

324.2597070959758

V115K

NH ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN

VĂN KIẾN

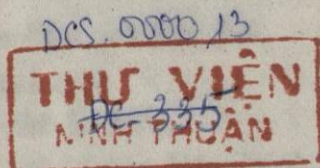
ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ X

324.259707055758

VM5K

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN

VĂN KIÊN
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ X



DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X

*(Do đồng chí Chamaléa Điều
thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc tại Đại hội
ngày 28/12/2000)*

Kính thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Chấp hành Chỉ thị 54 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc, được sự nhất trí của Bộ Chính trị, hôm nay Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ X được trọng thể khai mạc - Đại hội của tỉnh thân đổi mới, phát huy sức mạnh toàn dân, huy động mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh giai đoạn

2001 - 2005. Về dự Đại hội có 266 đồng chí đại biểu chính thức đại diện cho gần 6.000 đảng viên của 297 tổ chức cơ sở Đảng thuộc 8 Đảng bộ trực thuộc. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu là những đảng viên ưu tú được Đại hội các Đảng bộ bầu làm đại biểu chính thức mang đến cho Đại hội ý chí, nguyện vọng và niềm tin của toàn Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng:

- Các đồng chí đại diện các Ban Xây dựng Đảng Trung ương.

- Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận qua các nhiệm kỳ đã nghỉ hưu.

- Các đồng chí đại diện cán bộ lão thành cách mạng.

- Các đồng chí đại diện anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, đại diện cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đại diện gia đình tiêu biểu có công với cách mạng, đại diện các cơ quan, đơn vị của Trung ương đang công tác trên địa bàn tỉnh, đại diện một số Sở, Ban ngành của tỉnh được mời dự Đại hội.

- Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình của Trung ương và địa phương.

Sự có mặt của các đồng chí là nguồn động viên, cổ vũ và sự đóng góp quan trọng cho Đại hội chúng ta thành công tốt đẹp.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ IX, tôi nhiệt liệt chào mừng và chúc sức khỏe các đồng chí đại biểu về tham dự Đại hội hôm nay.

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa toàn thể Đại hội,

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X là cuộc sinh hoạt chính trị lớn của Đảng bộ, có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; Đại hội được tiến hành vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại, là Đại hội đầu tiên của Đảng bộ khi bước vào thiên niên kỷ mới - thế kỷ 21, trong bối cảnh đất nước sau 15 năm đổi mới, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, đang mở ra thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau 08 năm tái lập tỉnh, hòa chung với sự nghiệp đổi mới của cả nước, tỉnh Ninh Thuận đã tập trung khắc phục những khó khăn, thiếu thốn, phấn đấu đạt được những thành tích tiến bộ quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội - xây dựng Đảng - quốc phòng-an ninh, giữ vững sự ổn định chính trị, tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển của tỉnh nhà trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20, chuẩn bị hành

trạng bước vào thế kỷ 21 với niềm tin, sức mạnh mới và quyết tâm cao hơn, ra sức khắc phục những khó khăn, chống nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển.

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa toàn thể Đại hội,

Đại hội lần thứ X của Đảng bộ có những nhiệm vụ rất quan trọng:

- Thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX.

- Thông qua kết quả triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tự phê và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Trung ương 6 (lần 2).

- Thảo luận Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX trình Đại hội sau khi đã tiếp thu ý kiến đóng góp của Đại hội Đảng bộ huyện, thị, các Đảng bộ trực thuộc và ý kiến đóng góp của các tổ chức chính trị xã hội của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX.

- Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Với tinh thần đó, việc lấy ý kiến đóng góp vào các văn kiện của Trung ương trình tại Đại hội toàn quốc lần thứ IX, việc xây dựng các văn kiện của Đại hội và chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được tập thể Ban Chấp hành khóa IX tích cực chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc bằng nhiều việc làm, với nhiều hình thức và biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm bảo đảm cho Đại hội thành công. Ngay sau khi có sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, bên cạnh việc tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2000, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thành lập và chỉ đạo các Tiểu ban Nội dung, Tiểu ban Nhân sự xây dựng đề án báo cáo chính trị và đề án nhân sự. Dự thảo báo cáo Đại hội đã được đông đảo cán bộ chủ chốt các sở ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ban Chấp hành các huyện, thị ủy, Đảng ủy, trưởng phó các ban ngành của huyện, thị, Bí thư, Chủ tịch xã, phường, các đồng chí hưu trí trung-cao cấp, đội ngũ khoa học kỹ thuật, đội ngũ trí thức, chức sắc trong đồng bào các dân tộc, tôn giáo, một số nhà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tỉnh tích cực tham gia đóng góp ý kiến. Tham khảo, xin ý kiến chỉ đạo của Ban cán sự Đảng Chính phủ, các Bộ, Ban ngành Trung ương và Bộ Chính trị.

Trên cơ sở những ý kiến đóng góp và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã

tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện một bước nội dung báo cáo trình Đại hội.

Việc chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành khóa X cũng đã được tiến hành nghiêm túc từ dưới lên, từ trên xuống theo đúng quy trình một cách dân chủ đúng tinh thần quy định 77 của Bộ Chính trị. Tập thể Ban Chấp hành và Tiểu ban nhân sự đã lắng nghe ý kiến, nghiên cứu những đề nghị của các tổ chức Đảng và tổng hợp ý kiến cá nhân về định hướng, tiêu chuẩn, số lượng cũng như dự kiến cấu tạo vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X để trình Đại hội quyết định.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa Đại hội,

Để thực hiện có kết quả các yêu cầu trong nội dung chương trình Đại hội mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã thông qua, tôi đề nghị các đồng chí cần tập trung một số điểm sau đây:

Một là, các đại biểu cần phải tập trung nghiên cứu, thảo luận, tranh luận đóng góp thêm nhiều ý kiến để hoàn chỉnh các văn kiện với chất lượng cao. Ở đây, các đồng chí đại biểu không phải thảo luận lại từ đầu các vấn đề cụ thể đã nêu trong dự thảo báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội, mà cần tập trung đánh giá những chuyển biến tiến bộ, những tồn tại, khuyết điểm, nguyên nhân của nhiệm kỳ vừa qua. Đại hội thảo luận, quyết định những vấn đề cơ bản cần làm sáng tỏ thêm,

nhất là các giải pháp để phát huy đầy đủ các lợi thế kinh tế của tỉnh nhà, như việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chọn lựa những ngành mũi nhọn, chọn lựa trọng tâm trong phát triển nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp; làm rõ về nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; về cách làm, bước đi và các lĩnh vực cần tập trung để phát triển công nghiệp địa phương nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, chống tụt hậu, tăng thu ngân sách, tăng tích lũy, thu nhập cho các tầng lớp nhân dân; về nhiệm vụ quốc phòng-an ninh trong tình hình mới, để chống diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định chính trị, giữ vững độc lập tự chủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; về đổi mới và chỉnh đốn Đảng; về phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, công tác dân tộc, miền núi.v.v... hoặc những vấn đề còn có ý kiến khác nhau lớn về các mục tiêu, chỉ tiêu. Đoàn Chủ tịch sẽ trình bày với Đại hội những vấn đề trọng tâm đó, nhằm qua thảo luận, tranh luận để Đại hội chúng ta đạt được sự nhất trí cao về những quan điểm, nguyên tắc, những nội dung và giải pháp chủ yếu đã nêu trong dự thảo báo cáo.

Để thực hiện được việc này, mỗi đại biểu cần phát huy tính dân chủ trong sinh hoạt chính trị, tinh thần trách nhiệm cao, tập trung đầy đủ trí tuệ, có

phương pháp nhìn nhận thật khách quan, khoa học và thực tiễn trong đánh giá tình hình cũng như trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho nhiệm kỳ đến. Đó là điều rất quan trọng bảo đảm sự thống nhất về quan điểm, tư tưởng và hành động trong suốt quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống và giành thắng lợi.

Hai là, Đại hội sẽ sáng suốt lựa chọn bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đầy đủ trí tuệ và năng lực thực tiễn, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước những công việc được phân công phụ trách, đưa nhanh nghị quyết Đại hội vào cuộc sống và tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đề ra. Phải bám sát tiêu chuẩn, số lượng và chất lượng, trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là tiêu chuẩn, chất lượng, có chuẩn bị cán bộ trẻ kế cận cho nhiệm kỳ sau. Để thực hiện tốt yêu cầu này, mỗi đại biểu phải có thái độ vô tư, khách quan, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết vì sự nghiệp phát triển của tỉnh nhà để lựa chọn những đồng chí có đức có tài, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và lựa chọn bầu đoàn đại biểu đủ tiêu chuẩn, có cơ cấu hợp lý, thay mặt Đảng bộ đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Ba là, Đại hội thật sự phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật, kỷ cương trong thảo luận, tranh luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội, trong ứng cử và bầu cử, trong điều hành các công việc của Đại hội nhằm tạo bầu không khí đoàn kết, dân chủ, với tinh thần trách nhiệm cao, lắng nghe ý kiến lẫn nhau trên nguyên tắc Đảng. Đó là cơ sở quan trọng để đạt tới sự thống nhất cao trong các đại biểu về những vấn đề trình ra Đại hội.

Bốn là, đề nghị các đại biểu chấp hành nghiêm túc các nguyên tắc, quy chế làm việc và nội quy của Đại hội để bảo đảm cho Đại hội tiến hành đạt yêu cầu đề ra.

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa toàn thể Đại hội,

Thực hiện tốt các yêu cầu trên đây, chúng ta tin chắc rằng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X sẽ hoàn thành được trách nhiệm to lớn của mình, đáp ứng với lòng mong đợi và sự quan tâm theo dõi của toàn Đảng bộ và toàn dân trong tỉnh.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ X Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận.

Chúc sức khỏe các đồng chí và chúc Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng bộ chúng ta thành công tốt đẹp.

Xin cảm ơn các đồng chí

BÁO CÁO

Của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ X

Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng bộ diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa rất trọng đại - thời điểm khởi đầu thiên niên kỷ mới. Với tinh thần phát huy sức mạnh toàn dân, huy động mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm đầu của thế kỷ 21, Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm đánh giá một cách đúng đắn những việc làm được, những việc làm chưa được, nhìn nhận thẳng thắn những thành tựu và khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ IX. Đồng thời tiếp tục quán triệt Cương lĩnh chính trị và đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa do Nghị quyết Đại hội VIII và Đại hội IX của Đảng đề ra để xác định mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2010, xác định nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị 5 năm (2001 - 2005).

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX

NHIỆM KỲ 1996-2000

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra nhiệm vụ tổng quát là: "Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế có hiệu quả và vững chắc hơn, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề bức xúc xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh. Phấn đấu đưa tỉnh ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, nâng cao tích lũy nội bộ, cải thiện mức sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách tụt hậu, tạo tiền đề cho bước phát triển nhanh hơn sau năm 2000".

Đến nay sau 5 năm phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đạt được những kết quả như sau:

1/ Trong điều kiện khó khăn và thách thức lớn, nền kinh tế tỉnh nhà vẫn tiếp tục phát triển, một số ngành và lĩnh vực tăng khá.

Tổng giá trị GDP tăng bình quân hàng năm 6% (mục tiêu là 10 - 11%), bước đầu đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung và trong từng ngành; đưa tổng giá trị GDP đến năm 2000 tăng lên 33% so với năm 1995. Giá trị sản xuất nông-lâm nghiệp tăng 4,5% (mục tiêu 6%), giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng

bình quân 12,7% (mục tiêu 10,9%), giá trị sản xuất công nghiệp tăng 11,5% (mục tiêu là 20,1%), giá trị gia tăng ngành dịch vụ là 4,7% (mục tiêu 12,2%). Đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành từ 2.250.000 đồng năm 1995 lên 3.260.000 đồng, tăng 45%. Kinh tế nhà nước được sắp xếp lại một bước, kinh tế hợp tác đã chuyển đổi theo Luật hợp tác xã mới, kinh tế dân doanh phát triển sôi động hơn.

1.1/ Sản xuất nông nghiệp - tuy bị lũ lụt dồn dập, vẫn tiếp tục tăng trưởng khá.

Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 4,5%, nổi bật là sản xuất lương thực tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng; năm 2000 đạt 164.000 tấn, trong đó thóc 150.000 tấn (mục tiêu là 145.000 tấn). Bảo đảm an toàn lương thực; vụ lúa đông xuân đã trở thành vụ sản xuất chính, có sản lượng cao nhất và ít rủi ro nhất so với các vụ trong năm. Các loại cây công nghiệp như mía, thuốc lá tăng nhanh; sản lượng mía tăng 3 lần so với năm 1995, đáp ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy đường và các xưởng sản xuất thủ công.

Chăn nuôi gia súc tiếp tục phát triển, giá trị gia tăng bình quân hàng năm 5,3%. Tổng đàn tăng khá, đến năm 2000 đàn bò có 80.250 con, tăng 11.600 con; đàn heo thịt 72.500 con, tăng 11.700 con và đàn dê cừu 36.600 con, tăng 13.600 con so năm 1995. Gia

súc có sừng đã phát triển mạnh ở các xã miền núi, và đang chuyển nhanh sang hình thức chăn nuôi tập trung với trên 540 trang trại quy mô vừa và lớn. Hàng năm, đưa ra thị trường từ 8 - 10 ngàn tấn thịt hơi các loại.

Việc giao rừng cho dân quản lý, bảo vệ được chú trọng; trồng rừng phòng hộ ven biển bằng giống xoan chịu hạn có kết quả. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên giảm 50%.

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cho các loại giống cây lương thực như lúa lai, bắp lai và giống mía có tiến bộ. Đã nghiên cứu thành công trên vườn thí nghiệm giống nho mới, giống điều - sử dụng kỹ thuật ghép cành; 10% đàn bò địa phương bước đầu được sind hóa. Phong trào quần chúng tham gia câu lạc bộ khuyến nông ngày càng tăng, đã có tác dụng tốt trong việc ứng dụng kỹ thuật mới.

Ở nông thôn, kết cấu hạ tầng về thủy lợi, điện, đường, trường học, trạm y tế đã có bước cải thiện rõ. Năng lực cơ giới hóa nông nghiệp tăng thêm 37% mã lực. 42 hợp tác xã cũ đã chuyển sang kinh doanh dịch vụ theo luật mới, các đại lý và dịch vụ thương mại tư nhân ở nông thôn phát triển sôi động hơn, góp phần đáp ứng nhanh nhu cầu vật tư cho sản xuất, hàng tiêu dùng cho nhân dân, thúc đẩy lưu thông hàng hóa ở nông thôn.

1.2/ Sản xuất thủy sản phát triển khá và tương đối toàn diện, cả chiều rộng và chiều sâu; cơ sở hạ tầng được tăng cường; nguồn lực trong dân được huy động và phát huy tốt; cơ cấu kinh tế ngành đã có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng bình quân 12,7%. Sản lượng năm 2000 đạt mục tiêu 31.000 tấn (tăng 11.500 tấn so với năm 1995); trong đó, giá trị khai thác tăng bình quân 10,4%, giá trị nuôi trồng tăng 24,8%/năm, đưa tỷ trọng nuôi trồng tăng lên 40% trong tổng giá trị toàn ngành vào năm 2000.

Năng lực khai thác hải sản phát triển khá, đến nay tổng số thuyền đạt 1.638 chiếc, tăng 20%; công suất phát triển nhanh đạt 55.444CV, tăng 102% (so với năm 1995) bằng hình thức cải hoán và sắm mới; thuyền công suất trên 90CV đã có 140 chiếc. Hầu hết loại thuyền từ 45CV trở lên đều được trang bị máy tâm ngư, máy thông tin và 40% được trang bị máy định vị. Cơ bản đã hoàn thành xây dựng cảng cá Đông Hải, cảng cá Cà Ná. Đang xây dựng cảng cá Ninh Chữ đáp ứng đủ 1.500 thuyền đánh cá thông qua cảng.

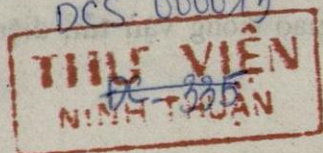
Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (bao gồm tôm sú, tôm hùm, tôm giống, nhuyễn thể) phát triển nhanh. Đã định hình 2 vùng sản xuất tôm thịt tại Đầm Nai,

Phú Thọ 810 ha (tăng 220 ha). Hầu hết diện tích đều áp dụng kỹ thuật thâm canh nên năng suất cao, sản lượng đạt 1.800 tấn, tăng 3 lần so với năm 1995. Đã định hình 3 trung tâm sản xuất tôm giống tại Văn Hải, An Thanh, Khánh Hội, quy mô trên 240 trại, năm 2000 sản xuất 1,5 tỷ con giống P15, vượt 30% chỉ tiêu và tăng 6,25 lần so với năm 1995, trở thành vùng sản xuất tôm giống lớn của cả nước. Nghề nuôi tôm hùm, sò huyết, rong sụn tiếp tục phát triển. Nguồn vốn trong dân được huy động đầu tư sản xuất tôm thịt, tôm giống, mua sắm tàu thuyền, mở xưởng chế biến tăng khá và đem lại hiệu quả nhanh. 5 năm qua nhân dân đã chi ra 105 tỷ trên tổng số 198 tỷ đầu tư phát triển ngành thủy sản.

1.3/ Sản xuất công nghiệp tuy gặp khó khăn, vẫn giữ được nhịp độ phát triển và tăng thêm năng lực sản xuất mới.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 11,5%, tỷ trọng công nghiệp-xây dựng chiếm 13,5% trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh.

Một số sản phẩm công nghiệp tăng trưởng khá, giữ vững thị trường như: đường 7.750 tấn (tăng 4,15 lần so với năm 1995), muối công nghiệp 60.000 tấn, điện thương phẩm đạt 96 triệu KWh, gạch tuynen đạt 26 triệu viên, xi-măng 17.696 tấn; đá xây dựng, nước máy tăng nhanh.



Năng lực sản xuất mới của ngành công nghiệp tăng thêm ở cả khu vực nhà nước và dân doanh, tạo thế phát triển cho năm sau như: Đồng muối Phương Cự, Nhà máy gạch tuynen, Nhà máy chế biến hạt điều, Nhà máy rượu vang, nước khoáng, Xưởng bê-tông tươi, 02 Xưởng đóng và sửa chữa tàu thuyền, Xí nghiệp chế biến thủy sản Cà Ná, Nhà máy nước Phước Dân, Tân Sơn; mở rộng công suất Nhà máy đường, Nhà máy xi-măng; dây chuyền chế biến tôm luộc xuất khẩu 1.200 tấn/năm.

Công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển đa dạng, bước đầu thoát khỏi tình trạng trì trệ, đang có dấu hiệu tăng trưởng ở một số ngành nghề, một số lĩnh vực, nhất là chế biến lương thực, thực phẩm, thủy sản, cơ khí nhỏ ở nông thôn.

1.4/ Đầu tư phát triển kinh tế-xã hội tăng nhanh và đúng hướng, đã cải thiện một bước về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống.

Tổng vốn đầu tư phát triển của khu vực nhà nước và nhân dân, vốn doanh nghiệp 5 năm qua ước đạt 1.350 tỷ đồng, tăng gần 2 lần thời kỳ 1992-1995, đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất và tăng thêm năng lực sản xuất mới ở hầu hết các ngành sản xuất, dịch vụ và văn hóa-xã hội, nổi bật là nông nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, điện, bưu chính viễn thông, giáo

dục và đào tạo; tạo thêm tiền đề vật chất cho những năm sau 2000.

Trong đó, vốn đầu tư ưu tiên tập trung cho nông-lâm nghiệp chiếm 31,3%; đã xây dựng và nâng cấp 8 công trình thủy lợi vừa và nhỏ như Hồ Ông Kinh, Đập Đồng Nhíp, nâng cấp Kênh Đông - Kênh Tây Sông Pha, Đập Nha Trinh - Lâm Cẩm, Trạm bơm Phước An, Hồ CK7, Đê Sông Dinh, Kè Mỹ Sơn, gia cố sửa chữa hàng trăm công trình thủy lợi nhỏ, nâng diện tích tưới tăng thêm 850 ha. Phục hồi năng lực tưới các công trình cũ 6.000 ha. Đang xây dựng công trình Hồ Tân Giang, với tổng vốn đầu tư 157 tỷ đồng, có thể đưa vào sử dụng vào năm 2002 khai thác tưới cho 3.000ha, tạo tăng trưởng nông nghiệp vùng Tây nam Ninh Phước; đã xây dựng 30 hệ thống nước sạch ở vùng nông thôn. Vốn đầu tư vào ngành thủy sản chiếm 13,6% (198 tỷ), mở rộng 220 ha diện tích nuôi tôm thịt, tăng 5 lần số trại sản xuất tôm giống, tăng nhanh số thuyền công suất lớn bằng thiết bị tiên tiến, đã và đang xây dựng 3 cảng cá, bảo đảm thuyền lớn có thể hoạt động quanh năm.

Vốn đầu tư vào công nghiệp chiếm tỷ trọng 14,6% (192 tỷ), tăng thêm 9 cơ sở sản xuất công nghiệp mới, 3 cơ sở công nghiệp được mở rộng công suất và đổi mới thiết bị.

Mạng lưới điện phát triển nhanh, đến năm 2000, toàn tỉnh đã có 568 km đường dây trung thế và 469 km hạ thế (trong đó, 5 năm qua đã xây dựng mới 302 km trung thế và 182 km hạ thế) với tổng dung lượng 56.091 KVA. 100% xã, phường, 96% điểm dân cư và 87% số hộ trong tỉnh đã có điện.

Mạng lưới bưu chính viễn thông được chú trọng đầu tư phát triển nhanh và hiện đại trên diện rộng, xây dựng mới 32 bưu cục và 23 điểm bưu điện văn hóa ở nông thôn, 100% xã-phường đã được nối vào mạng thông tin cả nước; dung lượng tổng đài đạt quy mô 22.200 số, với 16.200 máy thuê bao ở cả đô thị, đồng bằng, miền núi và tàu thuyền trên biển.

Mạng lưới giao thông được cải thiện một bước, các tuyến đường từ trung tâm tỉnh, trung tâm huyện đến các xã, kể cả ở những xã vùng sâu, vùng xa đều được đầu tư sửa chữa, nâng cấp với tổng số 255 km (trong đó 44 km đường nhựa, 148 km cấp phối). Đến nay đã có 44/46 xã có đường ô tô lưu thông quanh năm. Đồng thời Trung ương đã nâng cấp 65 km Quốc lộ 1A và 5,5 km tuyến tránh qua thị xã.

Lĩnh vực văn hóa-xã hội chiếm 7,2% tổng vốn đầu tư, trong đó tập trung vào xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục-đào tạo và y tế, đã xây dựng thêm 32 trường, 300 phòng học, tu bổ và nâng cấp hàng trăm phòng

học cũ theo hướng bán kiên cố, kiên cố và lâu hóa; hệ thống trường, lớp bậc tiểu học đã phủ đều xuống các xã vùng miền núi, đồng bằng, ven biển và đô thị. Đã chú trọng đầu tư nâng cấp Bệnh viện tỉnh, 4 Trung tâm y tế cấp tỉnh, đang xây dựng mới Bệnh viện khu vực Ninh Sơn và các trạm y tế xã, với tổng diện tích 18.500 m².

Kết cấu hạ tầng và các công trình kiến trúc nhà ở tại thị xã và 3 huyện lỵ đã được nâng cấp một bước, bộ mặt đô thị thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và các huyện lỵ đã có bước khởi sắc, một số thị tứ đã được hình thành. Chính phủ đã phê duyệt xong quy hoạch 3 thị trấn của huyện Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.

1.5/ Lĩnh vực tài chính đáp ứng được các mục tiêu chi ở địa phương. Hoạt động tín dụng có chuyển biến tích cực.

Ngân sách hàng năm đã cố gắng đáp ứng được các mục tiêu chi phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng-an ninh. Từng bước giảm dần bao cấp trong chi ngân sách; chi cho đầu tư phát triển, 5 năm qua tăng 37% so với thời kỳ 1992-1995. Việc thực hiện luật ngân sách và các luật thuế mới bước đầu có kết quả theo hướng thúc đẩy sản xuất-kinh doanh và động viên nguồn lực trong nhân dân vào ngân sách nhà nước.

Hoạt động tín dụng ngân hàng và quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia có bước cải tiến, tích cực huy động vốn mở rộng phạm vi, quy mô và đối tượng cho vay, góp phần phát triển kinh tế, khôi phục sản xuất ở những nơi bị thiên tai, lũ lụt, đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị và tăng thêm năng lực sản xuất mới trong các ngành kinh tế. Mở rộng quy mô cho vay đối với hộ nghèo. Đến năm 2000, tổng dư nợ cho vay đạt 530 tỷ đồng, tăng 3,2 lần so với dư nợ năm 1995, trong đó dư nợ trung hạn, dài hạn tăng 5,2 lần. Dư nợ cho vay những hộ nghèo đạt 40 tỷ đồng, tăng 14 lần so với dư nợ năm 1995, với 20.000 hộ nghèo đã được vay để sản xuất-kinh doanh ở mức bình quân 2 triệu đồng/hộ.

1.6/ Các hoạt động thương mại-dịch vụ, trong môi trường cạnh tranh gay gắt đã có chuyển biến về chất lượng phục vụ, đáp ứng nhanh hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong nhân dân.

Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 37 triệu USD, riêng năm 2000 ước đạt 9,5 triệu USD. Vào cuối nhiệm kỳ đã xây dựng thêm xí nghiệp chế biến hạt điều 2.500 tấn/năm thu hút trên 800 lao động, tăng thêm hàng xuất khẩu nông sản. Hoàn thành dây chuyền sản xuất tôm xuất khẩu 1.200 tấn/năm, mở thêm xưởng chế biến xuất khẩu thủy sản tư nhân tại Cà Ná, tạo thêm tiền đề cho sau năm 2000.

Hoạt động thương mại nội địa và các loại hình dịch vụ phát triển khá sôi động, đáp ứng nhu cầu cung ứng vật tư cho sản xuất, hàng tiêu dùng cho nhân dân ở tất cả các vùng trong tỉnh. Thương nghiệp nhà nước vừa giữ vị trí bán buôn một số mặt hàng chủ lực, vừa tăng thêm thị phần bán lẻ; doanh số tăng khá. Thương nghiệp tư nhân phát triển năng động và đang hình thành những trung tâm mua bán nhỏ tại các vùng đông dân ở nông thôn. Tổng mức mua bán hàng hóa và dịch vụ tăng bình quân 7,7%, số lượt khách du lịch tăng bình quân 15,2%. Dịch vụ vận tải đáp ứng được nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại cho nhân dân trong tỉnh, số phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách tăng thêm 651 xe, lượng hàng hóa luân chuyển tăng bình quân 24,8%, luân chuyển hành khách tăng 15,2%. Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh và hiện đại, các bưu cục và điểm bưu điện văn hóa phủ khắp các vùng trong tỉnh. Số người sử dụng máy điện thoại tăng 24,2% (đạt bình quân 3 máy/100 dân).

2/ Các lĩnh vực văn hóa-xã hội đã có nhiều tiến bộ, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống xã hội.

2.1/ Hoạt động khoa học công nghệ có tiến bộ hơn trước, giải quyết có kết quả một số yêu cầu thực tiễn của sản xuất, góp phần thúc đẩy năng suất, tăng

nhANH SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ THỦY SẢN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

Các đề tài khoa học đã tập trung nghiên cứu ứng dụng các giống lúa lai, giống nho, xoan chịu hạn, giống điều, sind hóa đàn bò, quy trình nuôi tôm thịt, tôm giống; chuyển giao nhanh quy trình kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông lâm, thủy sản. Đưa nhanh những thiết bị kỹ thuật tiên tiến lên thuyền đánh cá (máy tâm ngư-định vị, máy thông tin). Tăng công suất thuyền đánh cá lớn đánh bắt xa bờ, cải tiến ngành nghề.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật được quan tâm hơn, số cán bộ có trình độ đại học, trên đại học tăng lên, số lượng máy tính được trang bị phổ biến, lực lượng công chức biết sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin trong các ngành kinh tế-văn hóa-giáo dục, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp tăng nhanh, tạo tiền đề để hòa nhập vào xu thế phát triển chung của cả nước.

2.2/ Qui mô phát triển giáo dục-đào tạo được mở rộng, số lượng học sinh phổ thông tăng nhanh. Cơ sở vật chất về trường, lớp tăng cường đều khắp trên các vùng.

Chất lượng giáo dục ổn định; đã hoàn thành mục tiêu quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu

học. Số học sinh phổ thông tăng nhanh ở cả 3 cấp học, đến năm 2000 đạt quy mô bằng 1,35 lần năm 1995, đặc biệt học sinh bậc trung học phổ thông tăng gấp 2,14 lần. Loại hình giáo dục ngoài công lập tăng nhanh, nhất là hệ nhà trẻ, mẫu giáo và trung học phổ thông. Tỷ lệ học sinh đến lớp 98%, tốt nghiệp 84,5%, bình quân trúng tuyển đại học 12%. Đã nâng cấp Trường Sư phạm thành Trường Cao đẳng Sư phạm đa hệ, Trung tâm giáo dục thường xuyên đã được xây dựng và đi vào hoạt động, thành lập 3 Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề ở huyện, 2 Trường dân tộc nội trú được củng cố, số học sinh tăng lên. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy-học được chú trọng đầu tư, trên 600 máy tính đã được trang bị cho toàn ngành. Số lượng sách giáo khoa, sách tham khảo đáp ứng đủ nhu cầu cho học sinh các cấp ở các vùng, kể cả miền núi. Công tác xã hội hóa giáo dục đang có bước chuyển biến, tỷ lệ đóng góp của dân từ 8,7% năm 1995 lên 12,7% trong tổng đầu tư xây dựng, sửa chữa trường lớp.

2.3/ Sự nghiệp văn hóa, thông tin đã có sự đổi mới, nâng cao về chất lượng thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người dân, động viên, cổ vũ gương tốt, phê phán những biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội. Thời lượng phát thanh, truyền hình tăng lên, phạm vi phủ sóng truyền hình-phát thanh đạt 98 - 100% số xã

trong tỉnh; tiếng Rắclây, tiếng Chăm đã được phát trên đài địa phương. Báo Ninh Thuận tăng kỳ xuất bản, lượng phát hành báo tăng nhanh (14 lần). Công tác bảo tồn, bảo tàng, sưu tầm, nghiên cứu, giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh được chú trọng. Thông qua sự phát triển phương tiện nghe nhìn, mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân ở các vùng trong tỉnh được nâng lên. Đến nay 85% số xã đã xây dựng được 52 làng văn hóa, 52 cơ quan đơn vị văn hóa. Phong trào văn nghệ quần chúng tiếp tục được duy trì.

2.4/ Công tác chăm sóc sức khỏe, tăng cường thể lực cho nhân dân đã đạt được kết quả khá hơn trước.

Tỷ lệ dân số đã giảm từ 2,53% xuống 1,94% vào năm 2000. Công tác y tế dự phòng thực hiện có kết quả. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành 3 mục tiêu quốc gia về thanh toán bệnh bại liệt và loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, bệnh phong. Chương trình tiêm chủng mở rộng hàng năm đều đạt trên 90%, khống chế có hiệu quả dịch sốt rét và một số dịch bệnh khác; trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống còn 36,5%. Công tác xã hội hóa y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú ý, đến nay đã cấp sổ khám bệnh, miễn giảm viện phí cho 41.847 người là những đối tượng quá nghèo và đồng bào các dân tộc ở miền núi,

những người có công với nước, thương binh và thân nhân liệt sĩ. Số người bệnh được khám và điều trị trong hệ thống y tế tăng lên, chất lượng điều trị ở tuyến tỉnh có tiến bộ. Đã chú trọng đầu tư nâng cấp mở rộng tăng thêm cơ sở vật chất, thiết bị khám, điều trị tuyến tỉnh, huyện và xã-phường, 96% xã-phường có trạm y tế, 100% xã-phường có y sĩ. Việc sử dụng muối iốt đã trở thành tập quán trong nhân dân.

Số người thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao tăng lên 10%, công tác giáo dục thể chất trong trường học được quan tâm hơn trước. Đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao phát triển cả về số lượng và chất lượng, đang là lực lượng nòng cốt cho các môn thể thao mũi nhọn như bóng đá, điền kinh, bóng chày, bóng rổ.

2.5/ Công tác giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo đạt được hiệu quả khá. Số người được học nghề tăng 92,4%, lao động được giải quyết việc làm tăng 73,4% (so với năm 1992-1995), hàng năm 7 - 8 ngàn người có việc làm. Nỗ lực xóa đói giảm nghèo của nhân dân và các cấp, các ngành đã đem lại kết quả. 20.000 hộ nghèo được vay vốn trên 40 tỷ đồng để sản xuất-kinh doanh. Đến nay cơ bản giảm hộ đói kinh niên, hộ nghèo từ 22,7% giảm xuống 15,5%; số xã quá nghèo từ 21 xã, nay còn 12 xã. Đời sống nhân dân ở các vùng đã được cải thiện, 87% hộ có

điện, 62% số hộ được sử dụng nước sạch, 46,4% số hộ có phương tiện nghe nhìn, gần 30% hộ có xe gắn máy.

Việc thực hiện chính sách đối với người có công với đất nước đã được các cơ quan, đoàn thể và nhân dân chăm lo hơn trước. 5 năm qua, đã xây dựng 78 nhà tình nghĩa; hoạt động cứu trợ, cứu tế, từ thiện đã trở thành ý thức cao trong cộng đồng dân cư và các đoàn thể xã hội. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội trong các ngành và khu dân cư đã có tiến bộ.

3/ Kinh tế-xã hội miền núi có chuyển biến về nhiều mặt.

Đảng bộ và chính quyền các cấp đã chú trọng chỉ đạo phát triển kinh tế-xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng đối với các xã ở địa bàn miền núi. Sản xuất lương thực, cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc có sừng, thủy lợi, đường giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt, trụ sở làm việc đã được chú trọng đầu tư nhiều hơn trước.

Sản xuất nông-lâm nghiệp ở 27 xã miền núi, vùng sâu, vùng xa tăng trưởng khá, diện tích gieo trồng tăng 25%, sản lượng lương thực ước đạt 45.000 tấn, tăng 17% so với năm 1995, bình quân 300 kg/người. Diện tích các loại cây công nghiệp phát triển như mía 1.150 ha, thuốc lá 200 ha, điều 2.500 ha, bông vải 200 ha. Chăn nuôi gia súc có sừng đã - đang trở thành ngành sản xuất hàng hóa các xã miền núi cao. Kinh tế trang

trại chăn nuôi gia súc có sừng, trồng cây công nghiệp quy mô vừa và nhỏ đang phát triển, đã có 104 hộ chăn nuôi bò quy mô từ 15 con trở lên.

5 năm qua đã đầu tư 117 tỷ đồng (tăng gấp 3 lần thời kỳ 1992-1995), tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, định canh định cư, phát triển giáo dục-đào tạo cán bộ và hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ sản xuất cho người nghèo. Đã xây dựng, sửa chữa 24 công trình thủy lợi, phục hồi nâng cấp 40 km đường liên xã, khởi công xây dựng đường quốc lộ 27B, làm mới 233 km đường dây điện trung, hạ thế, 14 công trình nước sinh hoạt, đã có 7 trường học 2 tầng tại các trung tâm xã và các thôn bản. Đến năm 2000, có 100% xã, 95% thôn đã được sử dụng điện, 6 xã có hệ thống nước sạch; 480 hộ du canh, du cư ở cả 3 huyện đã được định cư tại các điểm đã quy hoạch. 1.060 hộ đã được giao khoán gần 50.000 ha rừng để quản lý bảo vệ.

Đời sống đồng bào dân tộc ở các xã miền núi cao đã giảm bớt khó khăn, tăng hộ khá, đời sống văn hóa và chăm sóc sức khỏe khá hơn trước, 2.460 người được xóa mù chữ; bệnh broun cổ, sốt rét đã hạn chế nhiều.

4/ Quốc phòng-an ninh được giữ vững.

Quán triệt 2 nhiệm vụ chiến lược, vừa ra sức phát triển kinh tế-xã hội, vừa tích cực thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về nhiệm vụ

quốc phòng-an ninh. Ý thức cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng về âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch được nâng lên một bước. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân đã được thiết lập và củng cố. Bước đầu hình thành thế chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả các hoạt động chống phá của địch và các loại tội phạm, bảo vệ chủ quyền, giữ vững sự ổn định chính trị và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Thường xuyên tổ chức luyện tập, bổ sung phương án phòng thủ, từng bước nâng cao trình độ vận hành cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thị, xã, phường. Các công trình quốc phòng và phòng tuyến an ninh vùng biển, lãnh hải đã và đang được xây dựng và nâng cấp. Lực lượng vũ trang được củng cố, tăng cường cả về số lượng và chất lượng; trang bị khí tài, sức chiến đấu được nâng lên, sẵn sàng ứng phó với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển toàn diện, đi vào chiều sâu và có những nét mới. Công tác nắm tình hình và các biện pháp quản lý nhà nước về an ninh trật tự được tăng cường. Bảo vệ có hiệu quả an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế,

an ninh tư tưởng và văn hóa. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện đấu tranh các hoạt động xâm nhập, móc nối, phá hoại của kẻ địch bên ngoài; tích cực đấu tranh quản lý, giáo dục, chuyển hóa các phần tử chống đối; tập trung chỉ đạo giải quyết tốt tình hình tranh chấp, khiếu kiện phức tạp trong nội bộ nhân dân tại cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng. Liên tục mở các đợt cao điểm vận động quần chúng tấn công trấn áp, kìm chế sự gia tăng hoạt động của bọn tội phạm và các tệ nạn, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Lực lượng Công an nhân dân được củng cố, bản lĩnh chính trị nâng lên.

5/ Thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng đạt được một số kết quả quan trọng.

Các cấp ủy Đảng đã xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, thực hiện đổi mới chỉnh đốn Đảng, từng bước tạo chuyển biến trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức. Coi trọng công tác tư tưởng chính trị, tập trung quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII, các Nghị quyết Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh để thống nhất ý chí, hành động. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất chính trị, tin tưởng vào đường lối đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước nâng ý thức cảnh giác cách mạng, đấu

tranh chống các quan điểm sai trái và âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Các cấp ủy và tổ chức Đảng đã triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đạt một số kết quả, tạo được chuyển biến bước đầu, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, tin tưởng. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được triển khai thực hiện có nền nếp, phục vụ kịp thời cho việc bố trí, sử dụng cán bộ và phát triển đảng viên mới.

Tổ chức bộ máy hoạt động của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở cơ bản ổn định, phần lớn các đơn vị đều có tổ chức Đảng, đảng viên; kiện toàn Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn. Phương thức sinh hoạt của các cấp ủy Đảng từng bước được cải tiến, dân chủ nội bộ được mở rộng, gắn với việc thực hiện chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh hàng năm tăng lên, cơ sở Đảng yếu kém giảm (hàng năm, có từ 44,4 - 62,18% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh; 2,2% - 4,7% tổ chức cơ sở Đảng yếu kém); chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo ở các loại hình tổ chức cơ sở Đảng được xác định rõ hơn; chất lượng hoạt động, sinh hoạt từng bước được cải tiến; đấu tranh tự phê bình, phê bình và công tác quản lý đảng viên (cả nơi sinh hoạt và nơi cư trú) được quan tâm hơn trước.

Đội ngũ đảng viên đa số phát huy được tác dụng tốt, gương mẫu về đạo đức, lối sống, ngày càng gần gũi hơn với nhân dân. Số lượng đảng viên mới tăng lên; chất lượng cao hơn trước. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp 2.026 đảng viên mới, vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra.

Công tác quản lý cán bộ từng bước đi vào nề nếp, thực hiện quy trình đánh giá, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ công khai, dân chủ, chặt chẽ hơn trước. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Trong 5 năm đã có 9.677 lượt cán bộ được đào tạo về chính trị, chuyên môn và một số ngành nghề khác; trong đó 1.966 cán bộ được đào tạo về chuyên môn, 815 cán bộ được đào tạo về chính trị.

Đội ngũ cán bộ từng bước được trưởng thành, trình độ các mặt được nâng lên; số cán bộ có trình độ đại học, sau đại học tăng thêm (55 cán bộ nghiên cứu sinh và Cao học, 68 cán bộ được bồi dưỡng sau Đại học). Trình độ lãnh đạo, quản lý, tri thức và kinh nghiệm đã có sự tích lũy; tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ dân tộc trong hệ thống chính trị tăng lên.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng từng bước được đổi mới. Các Ban của Tỉnh ủy được sắp xếp lại, bước đầu củng cố, tinh gọn bộ máy, tăng cường chức năng, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7. Các cấp ủy Đảng tăng cường sự lãnh đạo và phát huy

ngày càng tốt hơn vai trò chức năng, nhiệm vụ các tổ chức trong hệ thống chính trị. Công tác kiểm tra Đảng từng bước có tiến bộ trong kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy; kiểm tra tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Các cấp ủy đã kiểm tra được 93/297 tổ chức cơ sở Đảng, 390 đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

6/ Xây dựng và củng cố chính quyền các cấp, thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn với mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Bộ máy chính quyền các cấp từng bước được củng cố. Hoạt động của HĐND các cấp tăng cường được hiệu lực, hiệu quả thông qua chức năng giám sát, tiếp xúc cử tri, nâng chất lượng kỳ họp.

Hiệu lực quản lý nhà nước của UBND các cấp trên các lĩnh vực nhìn chung có tiến bộ, đạt được kết quả bước đầu về cải cách thủ tục hành chính, đấu tranh chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Chú ý xây dựng Ban quản lý thôn, khu phố.

Từ khi Bộ chính trị ban hành Chỉ thị 30-CT/TW và Nghị định 29/CP của Chính phủ về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, các cấp ủy Đảng đã thành lập Ban chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở; đề ra kế hoạch cụ thể chỉ đạo triển khai thực hiện quy chế;

tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ... đạt được một số kết quả bước đầu, tạo tiền đề để thực hiện quy chế dân chủ thường xuyên, thành nề nếp từ cơ sở. Lãnh đạo chính quyền, Mặt trận và Liên đoàn lao động triển khai thực hiện Pháp lệnh thanh tra, hình thành tổ chức và hoạt động các Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở xã, phường và cơ quan đơn vị. Nhân dân ngày càng có nhận thức đầy đủ hơn về dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương, cơ sở.

Công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử có chuyển biến, góp phần phòng chống tội phạm, đấu tranh bảo vệ pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

7/ Công tác vận động quần chúng của Đảng bộ có nhiều chuyển biến tiến bộ.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức, không ngừng được củng cố về tổ chức.

Công tác Mặt trận đã tập trung tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về chính sách Đại đoàn kết dân tộc của Đảng trong thời kỳ mới; tăng cường giữ mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức thành viên. Khối đại đoàn kết toàn dân được mở rộng, tạo sự nhất trí về chính trị và tinh thần

trong nhân dân. Nhiều phong trào hành động cách mạng trong các tầng lớp nhân dân, nổi rõ là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” đã được nhân dân tích cực hưởng ứng và thực hiện.

Phong trào công nhân viên chức-lao động, nông dân, phụ nữ, Đoàn thanh niên, cựu chiến binh... được đổi mới về hình thức và nội dung hoạt động; chú trọng xây dựng cơ sở. Tập trung giáo dục giác ngộ chính trị, nâng cao trình độ mọi mặt, thúc đẩy phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, góp phần xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới, khối liên minh công-nông-trí thức ngày càng được củng cố.

Các vấn đề về tôn giáo và dân tộc được Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo. Tỉnh ủy và các Huyện, Thị ủy đều thành lập Ban chỉ đạo trực tiếp lãnh đạo công tác tôn giáo, thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của công dân. Hoạt động tín ngưỡng của các tôn giáo được thực hiện thuận lợi, đảm bảo tuân thủ pháp luật; các chức sắc và tín đồ các tôn giáo yên tâm phấn khởi trong hành đạo, gắn bó với cuộc sống chung của nhân dân, tin tưởng và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế-xã hội đối với đồng bào các dân tộc được triển khai thực hiện có hiệu quả. Tỉnh ủy có chương trình phát triển kinh tế-xã hội miền núi theo tinh thần Nghị quyết 22/BCT, chương trình hành động thực hiện thông tri 03/BCT về công tác đối với đồng bào Chăm, thành lập bộ phận công tác người Hoa trong Ban Dân vận, lãnh đạo thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu của Nhà nước hỗ trợ đồng bào các dân tộc. Truyền thống văn hóa của các dân tộc được khuyến khích bảo tồn và phát triển; công tác vận động đoàn kết dân tộc được thực hiện tốt nên đã hòa giải kịp thời những mâu thuẫn nội bộ. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh không ngừng được cải thiện, đồng bào ngày càng thêm đoàn kết cộng đồng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đạt được những kết quả trên đây là do Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn tin tưởng vào đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, những chính sách mới của Nhà nước phù hợp với lòng dân, tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế, mọi người dân trong tỉnh chủ động phát huy khả năng và kinh nghiệm của mình để xây dựng và phát triển kinh tế. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và cả hệ thống chính trị, nhân dân ta đã phát huy truyền thống cách mạng,

đoàn kết, tin tưởng vượt qua mọi thách thức để xây dựng quê hương.

Những kết quả và thành tựu mà 5 năm qua Đảng bộ và nhân dân ta đã đạt được là một sự cố gắng lớn trong điều kiện tỉnh ta còn rất nhiều khó khăn, tuy nhiên việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu Nghị quyết Đại hội IX còn những mặt yếu kém tồn tại và khuyết điểm cần phải được khắc phục sau đây:

1/ Điểm yếu cơ bản hiện nay là nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế chậm lại; phát triển không đồng đều và chưa vững chắc. Cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ, sức cạnh tranh yếu.

Nhịp độ tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu Đại hội IX đề ra và từ năm 1998 về sau bị giảm dần, tỷ trọng công nghiệp-xây dựng trong cơ cấu kinh tế rất nhỏ bé (13,5%), kim ngạch xuất khẩu giảm sút.

Trong nông nghiệp, nhất là các loại cây công nghiệp, cây ăn trái còn phân tán, chậm quy hoạch để định hình các vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn phục vụ công nghiệp chế biến. Diện tích và sản lượng bông vải giảm, diện tích nho trồng trên đất bị ngập úng thiệt hại lớn, khôi phục chậm, sản lượng giảm 50%. Năng suất và chất lượng hàng nông sản thấp, giá

thành cao; chăn nuôi gia súc có sừng còn phổ biến chăn thả tự nhiên, chưa được quy hoạch để đầu tư đúng mức. Dịch vụ ngành nghề ở nông thôn chậm phát triển, vị thế kinh tế hợp tác xã còn yếu và chậm được củng cố. Việc chuyển nhượng và tích tụ ruộng đất ở vùng đông dân cư, vùng đồng bào dân tộc diễn ra không hợp lý, nạn phá rừng ngăn chặn ít hiệu quả. Chậm quy hoạch đất đai để phát triển nuôi trồng thủy sản, hiệu quả khai thác hải sản xa bờ còn thấp, công nghệ chế biến còn lạc hậu và chưa tận dụng sản lượng thủy sản tại chỗ đưa vào chế biến tăng kim ngạch xuất khẩu.

Chưa kiên quyết tập trung chỉ đạo đúng mức để phát triển công nghiệp, nhiều dự án công nghiệp lớn Nghị quyết đề ra để lỡ thời cơ không được thực hiện. Quy mô các xí nghiệp công nghiệp nhỏ bé, thiết bị và công nghệ lạc hậu, giá thành cao, sức cạnh tranh yếu, sản phẩm tiêu thụ chậm, hiệu quả kinh doanh thấp.

Mức tăng trưởng của khu vực thương mại và dịch vụ chậm (4,7%) và thấp hơn thời kỳ 1992-1995. Xuất nhập khẩu giảm sút, xác định chiến lược mặt hàng không tốt, chậm đổi mới công nghệ và thiết bị sản xuất, mặt hàng đơn điệu, chất lượng thấp, thị trường bị thu hẹp. Chậm quy hoạch tổng thể để phát triển thương mại nội địa và du lịch, chưa có cơ chế để thu

hút các thành phần kinh tế đầu tư, sản phẩm du lịch còn đơn điệu, thiếu nơi vui chơi, giải trí, thể thao.

2/ *Thu ngân sách từ nội bộ nền kinh tế giảm dần* (từ 105 tỷ năm 1997 xuống 86 tỷ), tỷ lệ huy động từ 8,2% xuống 5,6% GDP. Hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại còn thấp, nợ quá hạn và nợ khó đòi còn lớn.

3/ *Hoạt động đầu tư phát triển tuy đúng hướng nhưng còn phân tán*, chưa tập trung vào những công trình lớn, tạo tăng trưởng nhanh cho nền kinh tế; phần lớn các dự án đầu tư có quy mô vừa và nhỏ, thủ tục đầu tư chậm, thời gian xây dựng kéo dài, chất lượng công trình thấp. Hiệu quả vốn đầu tư, nhất là từ vốn của ngân sách còn thấp.

4/ *Nhiều doanh nghiệp nhà nước có lợi thế trong kinh doanh nhưng hiệu quả và sức cạnh tranh yếu, thiếu năng động, một số bị thua lỗ*. Công tác cổ phần hóa còn chậm, doanh nghiệp hành nghề xây dựng tư nhân phát triển nhanh nhưng manh mún, thiếu đội ngũ kỹ thuật và phương tiện thi công. Đầu tư tư nhân vào lĩnh vực công nghiệp, du lịch còn hạn chế, dè dặt.

5/ *Công tác giáo dục-đào tạo, văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn nhiều bất cập, các vấn đề xã hội còn nhiều bức xúc*.

Chất lượng dạy và học trong hệ thống phổ thông chưa cao, giáo viên bậc trung học thiếu nhiều, 40% giáo viên tiểu học và mầm non chưa đạt chuẩn, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Cơ cấu đào tạo chưa hợp lý giữa ngành, nghề, vùng. Trình độ học vấn trong lực lượng trẻ còn thấp; tỷ lệ qua đào tạo mới đạt 14,6%. Tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan chậm được khắc phục.

Đội ngũ thầy thuốc giỏi còn ít, thiếu nhiều bác sĩ, hộ sinh ở tuyến cơ sở. Dịch bệnh cục bộ còn xảy ra ở nhiều nơi. Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm không thường xuyên. Chất lượng thiết bị khám, điều trị trong hệ thống Bệnh viện tỉnh, huyện và trạm y tế xã còn thiếu và lạc hậu, một bộ phận thầy thuốc chưa đề cao y đức đối với người bệnh.

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của cán bộ và nhân dân. Nội dung hoạt động và nếp sống trong các làng văn hóa chưa được nâng lên toàn diện.

Lực lượng lao động trẻ chưa được đào tạo nghề và thiếu việc làm còn lớn; số hộ trong diện nghèo còn nhiều (15,5%), đời sống nhân dân miền núi, vùng không chủ động nước, vùng nho bị ngập úng, ngư dân đánh bắt ven bờ còn nhiều khó khăn; mức tăng dân số

cao (1,94%). Các tệ nạn xã hội về ma túy, tai nạn giao thông, tội phạm hình sự... chưa bị đẩy lùi.

6/ *Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân chưa thật vững chắc.* Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn mơ hồ trước những thủ đoạn diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Sự kết hợp chặt chẽ giữa 2 nhiệm vụ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh trên từng địa bàn, trong từng ngành và đơn vị kinh tế ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức. Một số cấp ủy và chính quyền cơ sở ít chăm lo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và an ninh tại địa phương, còn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong nhân dân, cơ quan, xí nghiệp và đoàn thể còn rất hạn chế, kỷ cương phép nước chưa được thực hiện nghiêm. Hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật còn thấp. Trong công tác thanh tra, kiểm tra, nhiều vụ - sau khi có kết luận, chậm xử lý, giải quyết để kéo dài, làm giảm tác dụng giáo dục, ngăn ngừa.

7/ *Điểm yếu nổi lên trong toàn Đảng bộ là một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và trong hệ thống chính trị còn thiếu ý thức tự rèn luyện để nâng cao nhận thức về quan điểm, đường lối của Đảng;*

không tự tu dưỡng về đạo đức, lối sống, kém ý thức tổ chức và kỷ luật, lợi dụng chức trách được giao để tư lợi cá nhân. Một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái về phẩm chất, đạo đức, quan liêu, thiếu tinh thần trách nhiệm, dẫn đến 5,35% đảng viên đã bị xử lý kỷ luật, làm giảm uy tín của Đảng, nhân dân chê trách.

Sinh hoạt tại các kỳ họp của cấp ủy, Ban cán sự Đảng các cấp từ tỉnh, huyện và Đảng ủy cơ sở ít tập trung bàn sâu vào những vấn đề lớn trọng tâm, bàn giải pháp thực hiện và phân công trách nhiệm không rõ ràng nên hiệu quả thấp. Nội dung sinh hoạt Đảng tại chi bộ còn giản đơn, tính đấu tranh tự phê bình và phê bình còn yếu, né tránh, nể nang.

Công tác tổ chức, bộ máy và cán bộ trong hệ thống chính trị còn hạn chế. Một số cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện về trình độ chuyên môn và năng lực điều hành công việc chưa tương xứng với cương vị và trách nhiệm được giao đã không được kịp thời điều chỉnh cho phù hợp; phân công công việc còn chồng chéo, cán bộ ít thâm nhập xuống dân và cơ sở; hiệu quả hoạt động còn thấp.

Những khuyết điểm yếu kém nêu trên đã làm giảm nhịp độ tăng trưởng, hạn chế phát huy nguồn lực thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội IX đề ra là do các nguyên nhân chủ quan sau đây:

a/ Một số chủ trương, quan điểm của Trung ương Đảng, Chính phủ chưa được nhận thức sâu sắc, đúng đắn, thông suốt trong các cấp ủy Đảng, trong các ngành và địa phương; có Nghị quyết chưa được chấp hành nghiêm chỉnh.

Năng lực nhận thức và vận dụng các Nghị quyết của Trung ương và chính sách mới của Nhà nước vào điều kiện cụ thể ở tỉnh nhà còn rất hạn chế. Việc thể chế hóa và tổ chức điều hành thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh không kịp thời, thiếu tập trung vào nhiệm vụ có tầm chiến lược của tỉnh nhà (phát triển công nghiệp, xuất nhập khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, công tác quy hoạch), công tác kiểm tra chưa được quan tâm đúng mức.

b/ Công tác quy hoạch, bố trí cán bộ trong hệ thống chính quyền cấp tỉnh, huyện, cơ sở còn nhiều mặt yếu, một số ít cán bộ được bố trí không tương xứng với cương vị và trách nhiệm được giao nhưng không kịp thời điều chỉnh, phân công lại cho phù hợp. Tính nhất quán trong chỉ đạo thực hiện chưa cao, còn biểu hiện tư tưởng ỷ lại, do dự, bảo thủ, thụ động, thiếu năng động nhanh nhạy trước cái mới.

c/ Triển khai công tác cải cách hành chính, mà trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính còn mang nặng tính hình thức, kém hiệu quả, điều hành giải quyết công việc chậm trễ kéo dài, gây phiền hà cho dân và cho cơ sở. Việc phân cấp cho ngành, huyện, thị tiến hành chậm và chưa đồng bộ, trách nhiệm cá nhân không rõ ràng.

Tuy còn không ít khuyết điểm và yếu kém nêu trên, nhưng nhìn tổng quát lại 5 năm qua, Đảng bộ và quân dân toàn tỉnh đã nỗ lực khắc phục khó khăn thách thức, đạt được những kết quả quan trọng, đưa nền kinh tế tỉnh nhà tiếp tục phát triển, một số ngành và lĩnh vực tăng khá; sản lượng lương thực, sản lượng thủy sản đạt và vượt mục tiêu đề ra. Năng lực sản xuất mới trong các ngành nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, vận tải, bưu chính viễn thông, điện tăng lên, thương mại nội địa và dịch vụ phát triển sôi động đáp ứng nhu cầu vật tư cho sản xuất, hàng tiêu dùng của nhân dân trên tất cả các vùng trong tỉnh. Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô học sinh và cơ sở trường lớp. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ, công tác y tế dự phòng và các chương trình y tế quốc gia đạt khá, tỷ lệ tăng dân số giảm. An ninh chính trị ổn định, sức mạnh quốc phòng được tăng cường; truyền thống đoàn kết của nhân dân các dân tộc trong tỉnh được giữ vững. Đảng bộ được củng

cố thêm một bước sau đợt sinh hoạt Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), công tác phát triển đảng viên đạt khá. Đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân ổn định và cải thiện một bước. Những kết quả đó có ý nghĩa rất quan trọng, đã tạo thêm thế và lực cho thời kỳ mới.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẾN NĂM 2010. NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 5 NĂM 2001 - 2005

Thập niên đầu của thế kỷ mới có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt, đây là thời kỳ cả nước phát huy những kinh nghiệm và thành tựu quan trọng sau 15 năm đổi mới nhằm động viên cao hơn sức mạnh của toàn dân tộc, tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đây cũng là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta cùng cả nước thực hiện chiến lược phát triển kinh

tế-xã hội 10 năm và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Chúng ta bước vào những năm đầu của thế kỷ 21 trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới và khu vực còn có những diễn biến rất phức tạp, khó lường. Đồng thời sự phát triển mạnh mẽ của khoa học-kỹ thuật và công nghệ thông tin, tính hai mặt của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập về kinh tế vừa là cơ hội lớn, vừa là thách thức lớn, tác động vào tiến trình phát triển của đất nước và tỉnh nhà. Bốn nguy cơ đối với nước ta vẫn đang tồn tại, với những diễn biến phức tạp hơn trước. Vị thế chính trị và tiềm lực kinh tế của nước ta đối với khu vực và trên thế giới ngày càng tăng lên, quy mô và phạm vi giao lưu, hợp tác kinh tế ngày càng mở rộng. Nhà nước đang ra sức tháo gỡ những định chế gây cản trở, tạo cơ chế thông thoáng nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực của quốc gia để phát triển. Trong quá trình hội nhập kinh tế, những chính sách bảo hộ sản xuất-kinh doanh sẽ giảm dần, áp lực cạnh tranh lên nền kinh tế và từng doanh nghiệp sẽ tăng lên trong một khuôn khổ rộng hơn, với mức độ sâu sắc hơn. Nhu cầu của người tiêu dùng trên thị trường trong tỉnh, trong nước, nhất là ở các đô thị, khu công nghiệp đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng hàng hóa, thị hiếu tiêu dùng luôn biến đổi và đa dạng.

Ở tỉnh ta, với những thành tựu đạt được sau 15 năm đổi mới, nhân dân càng tin tưởng sâu sắc vào đường lối và chính sách của Đảng, Nhà nước. Cuộc vận động tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) đã có kết quả bước đầu, tạo thêm sinh khí, khắc phục khuyết điểm, nâng cao trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, đảng viên nòng cốt trong hệ thống chính trị, được nhân dân đồng tình.

Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế trong tỉnh tuy quy mô sản xuất không lớn nhưng đã trực tiếp hoạt động và thử thách trong sự cạnh tranh của cơ chế thị trường. Những nhân tố mới trong đầu tư của nhân dân như phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng, chế biến thủy sản, mua sắm tàu thuyền lớn, năng lực sản xuất mới của công nghiệp tăng lên sẽ là tiền đề cho sự phát triển mới.

Thách thức lớn nhất hiện nay vẫn là sức sản xuất và trình độ phát triển của nền kinh tế tỉnh ta còn rất thấp. Tỷ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quá nhỏ bé, kim ngạch xuất nhập khẩu thấp, khoảng cách về sự phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương so với các tỉnh trong khu vực chưa được thu hẹp. Tiềm năng kinh tế còn nhiều và đa dạng nhưng quy mô không lớn và chưa được khai thác tốt. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của nền kinh tế còn nhỏ bé. Hoạt động kinh

doanh xuất nhập khẩu bị giảm sút; nguồn nguyên liệu nông sản, thủy sản để chế biến xuất khẩu chưa được tận dụng tốt.

Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật giỏi còn ít, lao động chưa được đào tạo và thiếu việc làm còn nhiều, số hộ nghèo còn lớn là những thách thức trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm sắp tới.

A/ Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2001 - 2010):

Quán triệt Cương lĩnh chính trị và đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng, kế thừa những định hướng lớn tại Nghị quyết Đảng bộ lần thứ IX, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (2001 - 2010) được xác định như sau:

a/ Nhiệm vụ:

- Đẩy mạnh tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên toàn bộ nền kinh tế tỉnh nhà và trong từng ngành, lấy phát triển công nghiệp làm nhiệm vụ trọng tâm, tạo lập một nền kinh tế sản xuất hàng hóa mở, có sức cạnh tranh cao trong nước và ngoài nước.

- Động viên sức mạnh toàn dân, phát huy mọi nguồn lực trong các thành phần kinh tế đầu tư phát

triển sản xuất-kinh doanh. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính trong tỉnh, các nguồn tài trợ của Trung ương và các tổ chức quốc tế, thu hút vốn đầu tư từ tỉnh ngoài, nước ngoài vào khai thác lợi thế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Tạo sự biến đổi nhanh về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái và môi trường sống tại các khu dân cư.

- Hoạt động đầu tư toàn xã hội phải bảo đảm tập trung, đồng bộ để sớm tạo ra sự biến đổi về chất kết cấu hạ tầng kỹ thuật: Về thủy lợi, điện, giao thông, trường học, cơ sở chữa bệnh, nước sạch, hệ thống thông tin-truyền hình. Tạo thêm năng lực sản xuất mới trong các ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tập trung xây dựng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm đạt tiêu chuẩn thành phố loại 3.

- Nâng cao hiệu quả sản xuất-kinh doanh các loại hình doanh nghiệp trong các thành phần kinh tế, củng cố vị thế của doanh nghiệp nhà nước, đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân, phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế hộ gia đình đầu tư kinh doanh vào các lĩnh vực kinh tế trang trại, khai thác,

nuôi trồng, chế biến thủy sản, chế biến nông sản, dịch vụ, thương mại và du lịch.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động trong hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao theo phương châm xã hội hóa, đa dạng hóa. Tạo nguồn nhân lực có chất lượng (học vấn, tay nghề...) cho 5 - 10 năm tới, đáp ứng được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế-xã hội trong tỉnh, trong nước và tham gia vào thị trường xuất khẩu lao động.

- Giải quyết có kết quả những vấn đề bức xúc về xã hội, tạo nhiều việc làm, giảm nhanh hộ nghèo, không còn hộ đói. Nâng cao rõ rệt mức sống vật chất và tinh thần của nhân dân các vùng trong tỉnh.

- Xây dựng và củng cố Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, thực hiện có kết quả cải cách hành chính, nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành của UBND các cấp. Thực hành tốt dân chủ ở cơ sở, nâng cao hiểu biết về pháp luật trong nhân dân, tăng cường kỷ cương phép nước trên toàn xã hội.

- Nâng cao sức mạnh quốc phòng và an ninh, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b/ Các mục tiêu lớn đến năm 2010:

- Đến năm 2010 sức sản xuất của nền kinh tế phát triển theo hướng coi trọng chất lượng, tổng giá trị thu nhập nội tỉnh (GDP) đạt gấp 2 lần năm 2000, tạo

sự chuyển dịch rõ nét về cơ cấu kinh tế: Tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản chiếm 35 - 40% (cả nước 16 - 17%), công nghiệp và xây dựng 30%, dịch vụ 30 - 35% trong tổng GDP toàn tỉnh.

1/ Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng chất lượng cao, với nhịp độ tăng trưởng từ 4 - 4,5%, bảo đảm vững chắc an toàn lương thực cho người và gia súc. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung với kết cấu hạ tầng hợp lý đối với các cây trồng chính như lúa, mía, thuốc lá, bông vải, điều, nho, cây ăn trái lâu năm. Nâng cao trình độ thâm canh, tăng vụ, áp dụng công nghệ sản xuất mới, sử dụng các loại giống chất lượng cao, tăng lợi nhuận và doanh thu trên diện tích canh tác đạt bình quân từ 30 triệu đồng/ha trở lên. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia súc, áp dụng phương pháp nuôi công nghiệp trong các trang trại chăn nuôi, đến năm 2010 nâng tỷ trọng chăn nuôi lên 25% trong tổng giá trị ngành nông nghiệp. Hoàn thành việc giao đất chăn nuôi cho các chủ trại gia súc có sừng.

2/ Đến năm 2010, thủy sản thật sự là một ngành kinh tế mạnh và đồng bộ trên các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu. Đưa nhịp độ tăng trưởng bình quân 11%, tổng giá trị sản xuất toàn ngành lên ít nhất là 2,5 lần so với năm 2000. Tăng nhanh thuyền công suất lớn, cơ giới hóa toàn bộ các

khâu thao tác nặng nhọc, trang bị kỹ thuật tiên tiến (máy tầm ngư, định vị, máy thông tin và kỹ thuật bảo quản sản phẩm); giảm 50% thuyền nhỏ dưới 20CV hiện nay. Tận dụng 80% sản phẩm tôm thịt, 40% hải sản đưa vào chế biến đạt chất lượng cao để xuất khẩu và tiêu dùng tại các đô thị và các khu công nghiệp.

3/ Duy trì nhịp độ tăng trưởng công nghiệp bình quân 12 - 13%, đến năm 2010, tổng giá trị sản xuất công nghiệp gấp 2,5 lần mức sản xuất năm 2000. Các cơ sở công nghiệp phần lớn được đổi mới thiết bị và áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sản phẩm đạt chuẩn quốc gia về chất lượng, bao bì và tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp. Nâng cao sức cạnh tranh về chất lượng, giá cả, chủ động hội nhập AFTA vào năm 2003. Khâu đột phá để tăng trưởng công nghiệp là tăng nhanh công nghiệp chế biến thủy sản, nông sản xuất khẩu và mở rộng diện tích để tăng sản lượng muối công nghiệp. Đưa giá trị công nghiệp chế biến xuất khẩu chiếm tỷ trọng ít nhất là 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Chủ động lập dự án mở rộng sản xuất các cơ sở hiện có. Lập dự án để tìm đối tác đầu tư vào các lĩnh vực chế biến thủy sản, nông sản, hóa chất sau muối, chế biến thức ăn cho tôm, may mặc, đá granit... Thu hút từ 20 - 25% lao động trẻ (18 - 30 tuổi) vào sản xuất công nghiệp.

4/ Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội: Hoàn thành và đưa vào sử dụng 4 công trình thủy lợi vừa và lớn trước năm 2010 (Hồ Tân Giang, Hồ Sông Sắt, Hồ Sông Trâu, Hồ Lanh Ra), nâng diện tích tưới nước tăng thêm 7 - 8 ngàn ha. Kiên cố hóa 50% kênh mương tại các công trình hiện có. Đồng bộ hóa 3 cảng cá lớn của tỉnh gồm các hạng mục: Kè chắn sóng, luồng tàu chạy, bến cập tàu, hệ thống dịch vụ trên cảng như điện, nước, sửa chữa tàu, chế biến. Nhựa hoặc bê tông hóa các tuyến đường cấp tỉnh, huyện đến các trung tâm xã, nhựa hoặc bê tông hóa tuyến Hòa Sơn - Ma Nối, Ninh Bình - Phước Bình, nâng cấp quốc lộ 27 và đưa vào khai thác tuyến quốc lộ 27B; cải tạo và nâng cấp tuyến quốc lộ 1A đi An Xuân, Thành Sơn, Phước Trung. Đến năm 2010, nâng mật độ giao thông toàn tỉnh lên 0,3 km/km². Đưa lưới điện đến tất cả các điểm dân cư và các cơ sở công nghiệp mới.

5/ Từ năm 2001 cải tạo và nâng cấp toàn diện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình kiến trúc, công trình văn hóa, thể thao để thị xã Phan Rang-Tháp Chàm hội đủ điều kiện đạt tiêu chuẩn thành phố loại 3. Nâng cấp 3 huyện lỵ, xây dựng mới trung tâm huyện lỵ Bác Ái; quy hoạch phát triển thị trấn, thị tứ ở nông thôn thành hệ thống đô thị trong tỉnh xanh - sạch - đẹp.

6/ Phát triển thương mại - dịch vụ đạt trình độ văn minh, tiên tiến: Toàn bộ giá trị gia tăng của khu vực thương mại - dịch vụ đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân ít nhất 8% năm và chiếm tỷ trọng từ 30 - 35% trong tổng GDP toàn tỉnh, thu hút từ 20 - 25% số lao động trẻ trong độ tuổi từ 18 - 30. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 30 triệu USD vào năm 2005 và những năm sau đó, tăng bình quân 10% trở lên; trang bị kỹ thuật hiện đại và công nghệ tiên tiến, sản phẩm hàng hóa hội đủ điều kiện tham gia vào thị trường EU.

Phát triển mạnh thương mại nội địa trên tất cả các vùng đô thị, nông thôn, miền núi theo hướng văn minh, tiên tiến; hình thành trung tâm thương mại lớn tại thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, lập trung tâm thương mại ở cả 3 huyện lỵ. Khuyến khích phát triển mạnh các cửa hàng thương mại tư nhân, hợp tác xã theo loại hình siêu thị vừa và nhỏ, phát triển và nâng cấp hệ thống chợ, các điểm thương mại - dịch vụ tập trung tại các khu đông dân cư ở nông thôn. Quy hoạch phát triển du lịch với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế bằng nhiều loại hình đa dạng (du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, lễ hành, có nơi vui chơi, giải trí, thể thao...). Nâng chất lượng dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách, thay thế phương tiện vận tải cũ kỹ gây ô nhiễm môi trường, đổi mới phương tiện vận tải hành khách liên tỉnh, nội tỉnh sạch, đẹp, an

toàn, phục vụ văn minh; xây dựng các điểm chờ đón khách trên tuyến 1A và quốc lộ 27. Hiện đại hóa dịch vụ bưu chính viễn thông, mở rộng phạm vi phủ sóng điện thoại di động, nâng mật độ thuê bao điện thoại lên 10 - 12 máy/100 dân. Tổng mức luân chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tăng bình quân 10 - 11%/năm.

7/ Xây dựng nền tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp phát triển lành mạnh. Bồi dưỡng, mở rộng và tăng thêm nguồn thu ngân sách địa phương, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng-an ninh. Nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách, thực hiện tốt các mục tiêu chi của ngân sách các cấp, ngăn chặn tham nhũng, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỷ trọng chi hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý và thu thuế ở địa phương.

8/ Phát triển khoa học-công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chăm sóc sức khỏe và đời sống văn hóa nhân dân.

Mục tiêu 10 năm tới là phát triển nhanh và cân đối lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật với một cơ cấu hợp lý trong từng ngành, từng vùng và trong từng đơn vị sự nghiệp nghiên cứu ứng dụng, xí nghiệp sản xuất-kinh doanh. Chú trọng đào tạo, tuyển dụng chuyên gia giỏi, cán bộ kỹ thuật đầu đàn trong từng lĩnh vực, đủ sức tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công

nghe mới vào các ngành kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp (chăn nuôi gia súc, khai thác, chế biến thủy sản, nông sản thực phẩm). Chú trọng phát triển mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành và lĩnh vực. Xây dựng và phát huy hiệu quả Trung tâm công nghệ thông tin Ninh Thuận, gắn khoa học kỹ thuật với việc ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin, phải là động lực thực sự tạo ra tăng trưởng kinh tế, tăng nhanh năng suất lao động, năng suất cây trồng và chất lượng hàng hóa ở tỉnh nhà 10 năm tới.

Tăng cường cơ sở vật chất và nâng cấp thiết bị đạt chuẩn quốc gia trong các lĩnh vực đào tạo nhân lực, chăm sóc sức khỏe và đời sống văn hóa tinh thần, vật chất của nhân dân.

Đến năm 2010, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập trung học phổ thông cho lứa tuổi thanh niên ở thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và 3 thị trấn. Trên 50% lao động trong độ tuổi (từ 18 - 30) được đào tạo, học nghề tại các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp và dạy nghề trong tỉnh, ngoài tỉnh. Mọi người trong độ tuổi lao động phải có tay nghề, có kiến thức chuyên môn, chủ động tìm kiếm việc làm. Mức tăng dân số đến năm 2005 giảm xuống dưới 1,5% và 1,2% vào năm 2010; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 20%. Củng cố và nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế, trước hết là các cơ sở

khám, điều trị tuyến tỉnh, huyện, trạm y tế xã, phường. Nâng cao chất lượng phòng chống dịch, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, đến năm 2010, tất cả các trạm y tế xã, phường đều có bác sĩ, hộ sinh làm việc. Xây dựng phong trào nếp sống văn minh và gia đình văn hóa, làng văn hóa, cơ quan, xí nghiệp văn hóa rộng khắp trên toàn tỉnh. Bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử truyền thống, các công trình văn hóa, giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh; nâng cao chất lượng sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật phản ánh công cuộc xây dựng cuộc sống mới của nhân dân. Xây dựng một số công trình văn hóa mới như Bảo tàng tỉnh, công viên, Nhà thể thao. Hiện đại hóa, nâng cao chất lượng truyền hình, phát thanh, báo chí. Nâng số hộ sử dụng máy thu hình đạt đến 80% gia đình trong tỉnh, trong đó các xã vùng núi cao đạt 50%. Giảm mức thất nghiệp và hộ nghèo xuống dưới 3%. Tiếp tục phát huy truyền thống đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với đất nước, trong toàn dân, đặc biệt là trong học sinh, thanh niên.

B/ Nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội 5 năm (2001 - 2005):

Thời kỳ phát triển 2001 - 2005 có ý nghĩa rất quan trọng trong chặng đường 10 năm đầu của thế kỷ mới. Trên cơ sở những định hướng lớn về nhiệm vụ và

mục tiêu phát triển đến năm 2010, nhiệm vụ và mục tiêu tổng quát 5 năm (2001 - 2005) là:

Đưa nền kinh tế tỉnh nhà phát triển theo hướng phát huy lợi thế, gắn với thị trường và đi vào chất lượng, tạo nhịp độ tăng trưởng khá và bền vững, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế sang công nghiệp và dịch vụ, đẩy nhanh tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao sức cạnh tranh. Tăng cường chất lượng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, tăng thêm năng lực sản xuất mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Giảm nhanh hộ nghèo, ổn định và cải thiện mức sống nhân dân. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị-xã hội, tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh.

I/ Định hướng các mục tiêu chủ yếu đến năm 2005:

1/ Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 7 - 8%, tổng giá trị GDP đến năm 2005 bằng 1,5 lần so với năm 2000.

- Giá trị sản xuất nông-lâm nghiệp tăng 5%/năm, trong đó sản lượng lương thực đến năm 2005: 170.000 tấn (thóc 160.000 tấn).

- Giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng 12,5%, sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác đến năm 2005 đạt mức 42.000 - 45.000 tấn, trong đó tôm thịt 5.000 tấn.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 12 - 14%.

- Giá trị gia tăng ngành dịch vụ 8 - 9%/năm.

- Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 30 triệu USD.

- Mức đầu tư phát triển hàng năm tương ứng 25 - 30% GDP.

- Đến năm 2005, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, trong đó công nghiệp và xây dựng 20 - 22%; nông nghiệp và thủy sản 48 - 50%; dịch vụ 30%. Tỷ lệ động viên GDP vào ngân sách 8 - 9%.

2/ Các mục tiêu xã hội:

Số học sinh có mặt đầu năm học tăng bình quân hàng năm 9%, bảo đảm 95% số người trong độ tuổi được đến trường. Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở ở thị xã, 3 thị trấn. Giảm tỷ lệ tăng dân số xuống 1,5% vào năm 2005. Hàng năm, 9.000 lao động được giải quyết việc làm. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống 25%. Phấn đấu không còn hộ đói; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5% vào năm 2005.

II/ Phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế:

1/ Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn (cả nông-lâm-ngư nghiệp):

Coi trọng phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn; đưa nông nghiệp và nông thôn từng bước lên sản xuất lớn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ quan trọng cả trước mắt và lâu dài, là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế-xã hội, tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tăng kim ngạch xuất khẩu và dịch vụ, cải thiện mức sống ở cả 3 vùng miền núi, đồng bằng và ven biển.

1.1/ Sản xuất nông nghiệp: Nhiệm vụ của nông nghiệp là đảm bảo vững chắc an toàn lương thực cho người và gia súc, đáp ứng đủ nguyên liệu chất lượng cao cho công nghiệp chế biến tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chú trọng đầu tư chiều sâu để tăng thêm giá trị trên 01 ha đất, vừa tận dụng tiềm năng đất chưa sử dụng để mở rộng thêm diện tích trồng cây công nghiệp, cây ăn trái và chăn nuôi gia súc. Đến năm 2005, sản lượng lương thực đạt 170.000 tấn, trong đó thóc 160 ngàn tấn, quy hoạch liên hoàn vùng 5.000 ha để sản xuất lúa chất lượng cao trong vụ đông xuân phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Trên cơ sở an toàn về lương thực, bố trí 17.000 ha trồng cây ăn trái, cây công nghiệp và cây thực phẩm. Hướng bố trí cơ cấu cây trồng như sau: lúa 12.000 ha, với sản lượng

155.000 tấn; mía 2.000 - 2.500 ha, sản lượng 120.000 - 125.000 tấn; bông vải 2.500 - 3.000 ha, sản lượng 2.500 - 3.000 tấn; trong đó, có 1.000 ha bông trên diện tích có tưới thuộc hệ thống thủy lợi Tân Giang (Ninh Phước); thuốc lá 2.000 ha, sản lượng 5.000 - 6.000 tấn. Mở rộng diện tích trồng nho lên 3.000 ha trên đất thích hợp và không bị ngập nước để có sản lượng ổn định 60.000 tấn (hướng mở rộng diện tích trồng nho mới là 1.500 ha trên vùng tưới Hồ Tân Giang).

Cân đối lại quỹ đất để bố trí trồng 6.000 ha điều thuộc chương trình 5 triệu ha rừng, trong đó tập trung đầu tư thâm canh 3.000 ha điều cho năng suất cao để đạt sản lượng tương ứng 2.000 - 2.200 tấn phục vụ cho Xí nghiệp chế biến hạt điều xuất khẩu.

Quy hoạch vùng sản xuất rau sạch để đáp ứng nhu cầu hàng ngày của nhân dân trong tỉnh và khu vực. Đến năm 2005 định hình xong các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có tầm chiến lược đối với ngành trồng trọt của nền nông nghiệp tỉnh nhà.

Chăn nuôi gia súc lấy thịt là một trong những hướng phát triển chính để tạo đà tăng trưởng sản xuất nông nghiệp trong 10 năm tới. Mục tiêu 5 năm 2001 - 2005 là tạo ra những tiền đề vật chất cần thiết để đến năm 2010 đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa chính trong nông nghiệp, theo hướng

khuyến khích phát triển chiều sâu, áp dụng rộng rãi phương pháp nuôi công nghiệp để gia tăng chất lượng sản phẩm hàng hóa từ các trang trại chăn nuôi gia đình quy mô vừa và lớn. Hình thành một số vùng chăn nuôi gia súc lớn tập trung, những trại chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, đồng thời kết hợp với chăn nuôi nhỏ trong từng hộ nông dân, tạo nhịp độ tăng trưởng hàng hóa nhanh các loại gia súc chính là trâu, bò, heo và dê cừu. Phấn đấu mỗi năm cung ứng ra thị trường 10.000 tấn thịt hơi chất lượng cao, đưa tỷ trọng chăn nuôi chiếm 22 - 25% giá trị sản phẩm hàng hóa nông nghiệp. Năm 2005 có 90 ngàn con bò, 80 ngàn con heo, 40 ngàn con dê-cừu. Hình thành mạng lưới dịch vụ về giống - thú y - thức ăn - đầu mối tiêu thụ.

1.2/ Công tác bảo vệ và phát triển rừng phải thực hiện tốt cả trên 4 mặt theo chiến lược phát triển 5 triệu ha rừng của đất nước: Bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng phòng hộ đầu nguồn. Khoanh nuôi và phát triển rừng mới ở vành đai các hồ chứa nước thủy lợi, các khu di tích và các điểm du lịch sinh thái. Trồng cây ăn trái lâu năm trên diện tích rẫy, triền núi thấp theo mô hình nông-lâm kết hợp. Phát triển nhanh và vững chắc diện tích rừng phòng hộ ven biển; đến năm 2005 đưa tổng diện tích rừng lên 167 ngàn ha, đưa độ che phủ lên 50% diện tích tự nhiên. Mức khai thác gỗ hàng năm chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu đóng mới và sửa

chữa tàu thuyền, gỗ xây dựng và gỗ sản xuất tiểu-thủ công nghiệp trong tỉnh, không chủ trương khai thác gỗ hàng hóa bán ra ngoài tỉnh. Không sử dụng lực lượng tư nhân khai thác gỗ trong rừng tự nhiên. Qui hoạch các vùng đất lâm nghiệp kết hợp với phát triển trang trại chăn nuôi gia súc để giao cho chủ trại vừa chăn nuôi, vừa bảo vệ rừng.

1.3/ Tập trung giải quyết một số việc vừa cấp bách vừa lâu dài đối với nông nghiệp và nông thôn:

Rà soát và cân đối quỹ đất để điều chỉnh lại quy hoạch phát triển nông nghiệp đến năm 2010 cho phù hợp với yêu cầu của thị trường 10 năm tới. Trước mắt, năm 2001 phải quy hoạch xong các vùng sản xuất cây trồng chính của nông nghiệp như vùng lúa chất lượng cao, vùng trồng nho, thuốc lá, mía, bông và vùng trồng điều để bảo đảm nguồn nguyên liệu có chất lượng cho công nghiệp chế biến và tiêu dùng trong nước; thiết lập xong hệ thống luân canh cây trồng, phân đấu đến năm 2005, trên đất 2 vụ đạt giá trị doanh thu từ 25 triệu đồng/ha/năm trở lên. Hoàn thành quy hoạch các vùng phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi gia súc, trang trại trồng cây ăn trái dài ngày, ngắn ngày ở miền núi và vùng đất trống, đất có khả năng nông nghiệp chưa sử dụng.

Khai thác triệt để năng lực tưới của tất cả các công trình thủy lợi lớn, vừa và nhỏ để tăng vụ, mở

rộng sản xuất và thâm canh cây trồng. Đẩy nhanh nhịp độ xây dựng Hồ Tân Giang sớm đưa vào khai thác tạo năng lực mới làm tăng trưởng kinh tế vùng Tây nam Ninh Phước. Khai thác có hiệu quả Trạm bơm Liên Sơn; hoàn thành sớm kênh Tây Sông Pha đưa vào sử dụng vào cuối năm 2001. Đồng bộ hóa hệ thống dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trước hết là tổ chức lại các cơ sở sản xuất và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi, hệ thống dịch vụ bảo vệ thực vật và bảo vệ gia súc, gia cầm, ứng dụng kịp thời những tiến bộ kỹ thuật về mặt sinh học vào sản xuất như: đưa bộ giống lúa chất lượng cao vào sản xuất trong vụ đông xuân, đưa giống nho mới có giá trị thương phẩm cao trên diện tích trồng mới, xác lập bộ giống mía có năng suất và hàm lượng đường cao. Đưa giống điều ghép đã được khảo nghiệm đến các vườn điều tập trung hiện có để tạo quỹ gien thay thế giống điều kém năng suất. Xác lập được bộ giống cây công nghiệp, cây ăn trái dài ngày, ngắn ngày để trồng tập trung ở 15 xã miền núi theo hình thức vườn hộ.

Tiếp tục nâng cao trình độ cơ giới hóa, điện khí hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, tập trung vào các khâu làm đất, gieo hạt, vận chuyển, bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch.

1.4/ Chú trọng giải quyết tốt hơn vấn đề xã hội nông thôn, thực hiện dân chủ công khai ở cơ sở, ổn định và cải thiện mức sống nông dân ở các vùng.

Đến năm 2005 phấn đấu 70% số xã đều có cán bộ kỹ thuật nông nghiệp trình độ trung học về trồng trọt và chăn nuôi-thú y. Cán bộ chủ chốt ở xã phải có kiến thức về kinh tế và kỹ thuật nông nghiệp.

Toàn bộ các vấn đề lớn về kinh tế-xã hội, vấn đề tài chính, vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng do nhân dân đóng góp như đường, trường học, trạm xá, chợ, nước sạch. Chuyển nhượng đất công, sử dụng đất của dân vì lợi ích chung, đều phải được bàn bạc và công khai hóa kết quả tài chính cho toàn dân được biết.

Củng cố và tăng cường vị thế kinh tế hợp tác xã và kinh tế hợp tác thông qua hoạt động có hiệu quả công tác kinh doanh, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhằm giúp kinh tế hộ gia đình phát triển, giúp nông dân có khả năng tự xóa đói, giảm nghèo.

Sắp xếp lại các cơ sở thương mại tư nhân, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, nghề xây dựng ở các thị trấn, thị tứ thành các trung tâm thương mại, dịch vụ tại làng quê. Đào tạo, dạy nghề cho thanh niên, học sinh đã tốt nghiệp THCS, PTTH ở nông thôn tạo điều kiện cho họ tìm việc làm tại nông thôn, ở đô thị và các khu công nghiệp. Phát triển và nâng cao chất lượng cung cấp nước sạch cho nhân dân nông thôn, miền núi bảo đảm đến năm 2005, trên 80% dân cư nông thôn được dùng nước sạch.

Thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, hàng năm từng thôn xã có chỉ tiêu giảm nghèo; đến năm 2005 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 6% ở nông thôn.

2/ Trong 5 - 10 năm tới, ngành thủy sản (bao gồm khai thác, nuôi trồng, chế biến) vẫn được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, là cơ sở để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp chế biến và tăng kim ngạch xuất khẩu. Tập trung huy động mọi nguồn lực trong các thành phần kinh tế, trong nhân dân vùng biển cùng với Nhà nước tập trung đầu tư phát triển nhanh ngành thủy sản cả trên 4 lĩnh vực: Nuôi trồng, khai thác, chế biến và xuất khẩu. Tiếp cận ngay kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, hiện đại. Trong đó ưu tiên đầu tư cho khâu nuôi trồng và chế biến để gia tăng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Gắn kết chặt chẽ khai thác thủy sản với quốc phòng-an ninh vùng biển. Tạo tiền đề đưa ngành thủy sản Ninh Thuận trở thành một ngành kinh tế mạnh và đồng bộ từ khâu khai thác, nuôi trồng, chế biến, dịch vụ và xuất khẩu.

Đến năm 2005 đưa sản phẩm nuôi trồng và khai thác lên 42 - 45 ngàn tấn, giá trị sản phẩm thủy sản tăng bình quân hàng năm 12,5% và tăng 67% so với năm 2000. Trong đó giá trị sản phẩm nuôi trồng thủy sản chiếm 55 % trong cơ cấu giá trị sản phẩm toàn ngành, là ngành tạo ra giá trị xuất khẩu lớn của tỉnh.

2.1/ Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (bao gồm nuôi tôm sú, tôm hùm, tôm giống, nhuyễn thể và cá nước ngọt) cần tập trung đầu tư phát triển mạnh cả chiều rộng và chiều sâu. Mở rộng nhanh diện tích nuôi tôm thịt, tăng nhanh số lồng nuôi tôm hùm. Năm 2001, hoàn thành quy hoạch tổng thể các vùng nuôi trồng thủy sản, xúc tiến xây dựng dự án vùng tôm Sơn Hải; mở rộng vùng nuôi tôm Phương Cựu, Phú Thọ, Đầm Nai; xúc tiến quy hoạch để chuyển một phần đất nông nghiệp hiệu quả thấp, đất muối ít hiệu quả thành vùng nuôi tôm công nghiệp; khảo sát và quy hoạch một số vùng nuôi tôm trên vùng đất cát ven biển. Đưa diện tích nuôi tôm thịt lên ít nhất 2.000 ha, trong đó 70% diện tích nuôi theo quy trình công nghiệp. Đưa sản lượng tôm nuôi lên 5.000 tấn (tăng 3,3 lần so với năm 2000) với năng suất từ 25 tạ/ha trở lên, đưa hầu hết sản lượng tôm vào chế biến để xuất khẩu. Nguồn lực phát triển chủ yếu là nhân dân, các chủ trang trại, Nhà nước hỗ trợ đầu tư từ vốn tín dụng trung hạn, dài hạn, và góp phần xây dựng kết cấu hạ tầng. Mở rộng năng lực sản xuất tôm giống lên 2,2 - 2,5 tỷ con theo hướng tạo sức cạnh tranh cao về chất lượng và giá cả, trở thành vùng sản xuất tôm giống chất lượng cao, quy mô lớn của cả nước.

2.2/ Về khai thác: Tạo môi trường thuận lợi về kết cấu hạ tầng, về cơ chế điều tiết thuế, về vốn vay để

khuyến khích nhân dân tiếp tục phát triển mạnh năng lực khai thác cả trên hai hướng: Đầu tư đóng mới, mua sắm tàu thuyền công suất lớn từ 90CV trở lên với công cụ, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, đồng thời khuyến khích các chủ thuyền đầu tư chiều sâu tăng năng lực ngay trên số thuyền đang có. Đưa tổng năng lực tàu thuyền lên 80 ngàn CV, tăng 60% so với năm 2000; giảm dần số thuyền nhỏ đánh bắt ven bờ. Chú trọng cải tiến phương tiện, công cụ và công nghệ khai thác, trước hết là cơ giới hóa những khâu thao tác nặng nhọc, cải tiến công nghệ bảo quản sản phẩm từ nơi khai thác đến nơi chế biến. Đa dạng hóa ngành nghề, nâng cao tính linh hoạt để hoạt động quanh năm, đánh bắt trên các ngư trường của cả nước. Phấn đấu đến năm 2005, sản lượng khai thác tăng 40% so với năm 2000, trong đó ít nhất 40% cá biển đưa vào chế biến thành sản phẩm chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Gắn kết hoạt động khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đồng bộ hóa kết cấu hạ tầng và hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá tại các trung tâm nghề cá lớn của tỉnh.

Hình thành quan hệ liên kết giữa khai thác, nuôi trồng với chế biến để gia tăng nhanh sản phẩm hàng hóa thủy sản chất lượng cao, đủ sức thâm nhập vào thị trường các đô thị lớn và khu công nghiệp, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Xây dựng trung tâm nghề cá Tri Hải - Cà Ná thành 2 cụm công nghiệp chế biến thủy sản, hình thành thị trấn nghề cá văn minh với cơ sở hạ tầng đồng bộ.

Đẩy mạnh phát triển ngành thủy sản phải gắn với phát triển kinh tế-xã hội vùng biển; gắn với việc nâng cao dân trí, nâng cao kiến thức kỹ thuật cho lao động nghề biển, nâng cao đời sống vật chất-tinh thần cho đồng bào vùng biển Tăng cường xây dựng thực lực cách mạng ở cơ sở đủ mạnh, bao gồm xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân, lực lượng vũ trang.

3/ Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và lực lượng xây dựng:

Từ thực trạng công nghiệp tỉnh nhà 8 năm qua càng đặt rõ nhiệm vụ phát triển công nghiệp trong những năm tới hết sức nặng nề, với cơ cấu hợp lý để vừa khai thác tốt hơn tiềm năng và lợi thế sẵn có vừa phù hợp với chiến lược phát triển chung của đất nước. Tăng nhanh nhịp độ phát triển của ngành công nghiệp là cơ sở chủ yếu để tạo ra sự biến đổi lớn trong cơ cấu kinh tế chung của toàn tỉnh, tạo sự chuyển dịch cơ cấu lao động và tạo nguồn thu vào ngân sách để tái đầu tư cho nền kinh tế và phúc lợi xã hội.

3.1/ Nhiệm vụ và mục tiêu phát triển công nghiệp giai đoạn này là: Vừa phải bảo đảm mức tăng

trường ít nhất bằng mức trung bình cả nước; vừa tạo được tiền đề vật chất, những dự án mới cần thiết để duy trì mức phát triển khá cho 5 năm sau. Tạo lập vững chắc nguồn nguyên liệu về nông sản, thủy sản chất lượng cao để gia tăng nhanh sản phẩm công nghiệp chế biến xuất khẩu và tiêu dùng, nâng sức cạnh tranh trên thị trường, chủ động hội nhập AFTA vào năm 2003. Bảo đảm mức tăng trưởng bình quân 12 - 14%/ năm, đến năm 2005 giá trị GDP của ngành đạt 20 - 22% trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh, thu hút 18 - 20% số lao động từ 18 - 35 tuổi.

Hướng trọng tâm phát triển công nghiệp ở giai đoạn này là: Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến hàng nông sản, thủy sản để xuất khẩu và tiêu dùng trong nước bằng thiết bị và công nghệ tiên tiến, gia tăng nhanh giá trị kim ngạch xuất khẩu, chiếm ít nhất 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Phát triển mạnh diện tích và sản lượng muối công nghiệp. Coi đây là 2 hướng đột phá trong 5 năm tới.

Ngay từ đầu, phải hoàn thành đồng bộ dự án chế biến tôm xuất khẩu đủ sức thu hút 80% sản lượng tôm nuôi trong tỉnh đưa vào chế biến. Mở rộng và tăng nhanh năng lực chế biến các loại hải sản khai thác từ biển ở cả khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước; phấn đấu mỗi trung tâm nghề cá hình thành từ 2 - 3 cơ sở chế biến loại vừa bằng công nghệ mới, khuyến

khích hình thức chế biến quy mô vừa và nhỏ trong các hộ tư nhân. Đến năm 2005, phần đầu ít nhất 40% sản lượng hàng hóa thủy sản đã qua chế biến, trong đó đưa vào chế biến xuất khẩu 10 ngàn tấn (riêng tôm, mực 4.000 - 4.500 tấn), tổng giá trị hàng thủy sản chế biến tăng 3 lần so với năm 2000. Đa dạng hóa các mặt hàng thủy sản chất lượng cao để xâm nhập vào thị trường đô thị lớn, khu công nghiệp và thị trường các tỉnh Tây nguyên. Cải tiến công nghệ để gia tăng năng lực chế biến các loại nước mắm quy chuẩn lên 10 triệu lít, đặc biệt chuyển nhanh sang công nghệ chế biến nước mắm có hàm lượng đậm cao từ 25 độ trở lên (chiếm 30 - 35% sản phẩm). Nâng cao uy tín và vị thế trên thương trường về chất lượng nước mắm Ninh Thuận. Gia tăng sản phẩm cá cơm hấp lên 1.000 tấn/năm. Hình thành những làng nghề chế biến nước mắm, chế biến cá cơm hấp ở tất cả các thôn làm nghề biển.

Tăng năng lực chế biến hạt điều xuất khẩu từ 500 lên 700 tấn thành phẩm vào năm 2005; xúc tiến phương án mở rộng công suất lên 1.000 tấn khi đủ nguồn nguyên liệu và có nhu cầu của thị trường xuất khẩu.

Gia tăng sản lượng đường lên 10.000 tấn/năm, trong đó 7.000 tấn đường tinh luyện (RS), cải tiến công nghệ chế biến đường thủ công, chuẩn bị điều

kiện để sau năm 2005 khi có nhu cầu thị trường, nâng công suất từ 500 lên 1.000 tấn mía/ngày. Tận dụng tốt hơn các loại phụ phẩm để đa dạng hóa sản phẩm. Đổi mới thiết bị chế biến gạo chất lượng cao. Tạo điều kiện để nhà đầu tư trong nước, ngoài nước nâng dần năng lực và chất lượng chế biến rượu vang và các sản phẩm từ nho, nước khoáng, ván ép theo nhu cầu của thị trường.

Đầu tư mở rộng diện tích để tăng nhanh sản lượng muối công nghiệp gắn với nâng cao trình độ cơ giới hóa khâu thu hoạch. Xúc tiến xây dựng dự án mở rộng đồng muối Cà Ná. Đến năm 2005 đưa sản lượng muối lên 180 ngàn tấn, trong đó muối công nghiệp 160 ngàn tấn. Tạo điều kiện thuận lợi để Tổng công ty muối Việt Nam xúc tiến dự án 2.000 ha muối công nghiệp Quán Thử, tăng nhanh sản lượng muối sau năm 2005 theo nhu cầu phát triển công nghiệp của đất nước và tìm thị trường xuất khẩu.

Tăng dần năng lực sản xuất các loại vật liệu xây dựng đáp ứng đủ nhu cầu về gạch, đá, cát, sỏi, hàng kim khí phục vụ nhu cầu xây dựng dân dụng, công nghiệp và kết cấu hạ tầng trong tỉnh, theo đó sau năm 2005, tăng 2 lần sản lượng vật liệu xây dựng hiện nay. Mở rộng thị trường tiêu thụ xi-măng Phương Hải bằng việc đưa vào xây dựng kiên cố hóa kênh mương thủy lợi, kênh mương đồng muối, đìa tôm, đường làng, hẻm

phố và các công trình xây dựng dân dụng trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực.

Quy hoạch phát triển ngành cơ khí và sản xuất tiểu thủ công nghiệp hướng vào phục vụ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản, xây dựng và vận tải. Trước hết tạo điều kiện thuận lợi hình thành đồng bộ 4 xưởng cơ khí sửa chữa và đóng mới tàu thuyền công suất lớn đáp ứng nhu cầu sửa chữa phần lớn tàu thuyền đánh cá toàn tỉnh tại các trung tâm nghề cá. Khuyến khích các cơ sở cơ khí tư nhân đầu tư đổi mới thiết bị, máy công cụ, đào tạo thợ kỹ thuật đủ sức sửa chữa nhỏ, vừa và sửa chữa lớn máy nông nghiệp, máy xây dựng, máy thủy và phương tiện vận tải. Hiện đại hóa Nhà in Ninh Thuận đủ năng lực đáp ứng nhu cầu in ấn, xuất bản báo chí tại địa phương.

Nâng cao một bước rõ nét về trình độ cơ giới hóa ngành xây dựng, ứng dụng kỹ thuật mới, công nghệ tin học vào lực lượng thi công - tư vấn - thiết kế, đủ sức đầu thầu những công trình lớn kỹ thuật phức tạp ở địa phương và tỉnh bạn.

Nâng cấp mạng lưới điện trung và hạ thế cũ xuống cấp, mở mới lưới điện đến các điểm dân cư chưa có điện, các cơ sở sản xuất; tăng thêm các trạm biến áp, cải tiến công tác quản lý lưới điện nông thôn; đảm bảo 97% số điểm dân cư và 90% số hộ được dùng điện từ lưới điện quốc gia, bảo đảm mức tăng

sản lượng điện thương phẩm bình quân hàng năm 12,5%.

Sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở sản xuất nghề thủ công gia đình ở nông thôn, lực lượng chế biến thực phẩm từ hộ gia đình ở trung tâm thị xã, thị trấn, trung tâm nghề cá; có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước về tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm.

3.2/ Xúc tiến nghiên cứu đề án phát triển thêm một số cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu vừa và nhỏ ở các Trung tâm nghề cá, các cơ sở công nghiệp mới; tìm đối tác thực hiện các dự án sau đây:

- Dự án sản xuất các loại hóa chất sau muối phục vụ nhu cầu phát triển công nghiệp của đất nước.

- Dự án xây dựng cơ sở chế biến thức ăn cho tôm và thức ăn gia súc, gia cầm, tinh bột mì.

- Xúc tiến nghiên cứu dự án xây dựng cơ sở may mặc nằm trong hệ thống Tổng công ty dệt may Việt Nam.

- Dự án sản xuất và tiêu thụ đá granit.

- Nâng công suất Nhà máy nước Phan Rang từ 12.000m^3 lên 30.000m^3 /ngày đêm trong kế hoạch 2001 - 2005.

- Lập dự án mở rộng sản xuất gạch tuynen sau năm 2005.

- Xúc tiến quy hoạch 3 cụm công nghiệp: Tháp Chàm; Quán Thử-Cà Ná; Tri Hải-Khánh Hải... để gọi vốn đầu tư.

4/ Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội:

Nhiệm vụ và mục tiêu 5 năm tới là tập trung đầu tư đồng bộ có chất lượng cao từng công trình, đem lại hiệu quả thiết thực về kinh tế, đời sống. Sớm tạo ra sự biến đổi cơ bản về chất kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, tạo thêm năng lực sản xuất mới, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và nâng cao cuộc sống dân cư.

4.1/ Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp và kinh tế nông thôn, trước mắt đẩy nhanh xây dựng Hồ Tân Giang; nâng cấp những công trình thủy lợi quan trọng hiện có; đồng thời lập dự án xây dựng mới những công trình gối đầu bảo đảm tăng trưởng bền vững cho sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu năm 2001 đưa công trình Hồ Tân Giang và Kênh Tây Sông Pha vào khai thác. Kiên cố hóa kênh mương hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm, chuẩn bị điều kiện để khởi công Hồ Sông Sát, Hồ Lanh Ra trong kế hoạch 2005; lập dự án khả thi Hồ nước ngọt, Hồ Sông Trâu để sớm khởi công đưa vào sử dụng sau năm 2005. Chú trọng xây dựng hệ thống thoát lũ vùng ngập úng Ninh Phước; hoàn thành cơ bản tuyến đê bảo vệ thị xã Phan Rang-Tháp Chàm; hỗ trợ đầu tư xây dựng các ao chứa

nước ở các bãi chăn thả gia súc có sừng. Đến năm 2005 tổng diện tích được tưới tăng thêm 4.000 ha.

4.2/ Hoàn thiện và đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng ở 3 bến cá lớn Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ gồm kè chắn sóng, luồng tàu chạy, bến cập tàu; hệ thống dịch vụ, điện, nước, bưu điện, chợ cá, khu chế biến, sửa chữa tàu thuyền, cung cấp xăng, dầu...; đường ô tô vào bến cảng và cơ sở hạ tầng khu dân cư bến cá theo tiêu chuẩn thị trấn. Xúc tiến dự án bến cá Mỹ Tân.

4.3/ Đẩy nhanh tiến trình nâng cấp và phát triển mạng lưới giao thông tỉnh - huyện - xã, đường liên thôn. Bảo đảm lưu thông thông suốt, liên hoàn, hòa nhập vào hệ thống giao thông khu vực và cả nước. Nâng cấp, nhựa hóa các tuyến đường tỉnh, huyện đến các vùng dân cư đông đúc, mở mới những tuyến đường có ý nghĩa động lực tạo ra triển vọng tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Phối hợp với Bộ Giao thông sớm hoàn thành quốc lộ 27B, tỉnh lộ 703, đường Kiên Kiên - Vĩnh Hy; kiến nghị Bộ Giao thông vận tải nâng cấp mặt đường quốc lộ 27 đi Đà Lạt.

Nâng cấp và nhựa hóa các tuyến đường tỉnh - huyện xuất phát từ quốc lộ 1A đến các xã, xuất phát từ quốc lộ 27 đến các vùng trong tỉnh. Trong đó 92 km đạt tiêu chuẩn kết cấu kỹ thuật mặt đường bê-tông nhựa và láng nhựa. Trước hết tập trung nhựa hóa các

tuyến Phú Quý đi Phước Hữu - Phước Thái đến Phước Hậu, Cầu Móng đến Phú Quý; quốc lộ 1A đi An Xuân - Thành Sơn - Phước Trung; quốc lộ 1A đi Đông Hải, quốc lộ 1A đi An Thạnh - Phú Thọ; quốc lộ 1A đi Thành Tín - Từ Tâm; quốc lộ 1A đi Văn Lâm - Sơn Hải, quốc lộ 27 đi đến cổng Sân bay, quốc lộ 1A - Phước Kháng; quốc lộ 1A - Phước Chiến.

Chuẩn bị đủ điều kiện để sau 2005 nâng cao chất lượng kết cấu kỹ thuật đường láng nhựa bảo đảm lưu thông suốt trong năm đối với các tuyến quốc lộ 1A đi Phước Chiến; quốc lộ 1A đi Phước Kháng; quốc lộ 1A đi Vụ Bồn; tuyến Phước Hữu đi Phước Hà; quốc lộ 27 đi Ma Nới, Ninh Bình đi Phước Bình; quốc lộ 27 đi Phước Trung, Phước Tân - Phước Đại đi Phước Chính. Thực hiện tốt dự án phát triển giao thông nông thôn theo chương trình WB2 và đường nội bộ trong từng thôn xã theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

4.4/ Thực hiện chương trình bán kiên cố, kiên cố hóa toàn bộ hệ thống trường học trong tỉnh, từng bước nâng cấp các lớp học ở thôn, bản thuộc các xã vùng sâu, miền núi; đầu tư hoàn chỉnh đạt tiêu chuẩn quốc gia các trường nội trú ở một số cụm xã miền núi. Các trường học ở những xã đặc biệt khó khăn đều phải có nhà ở cho giáo viên từ xa đến.

Trang bị đồng bộ và từng bước hiện đại hóa công cụ thực hành, bao gồm cả máy tính cho học sinh các trường cấp phổ thông, Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, Trường Cao đẳng sư phạm, Trường phổ thông dân tộc nội trú.

4.5/ Nâng cấp để chuẩn hóa toàn bộ Trạm y tế xã, phường. Tiếp tục đầu tư để hiện đại hóa Bệnh viện tỉnh, xây dựng Trung Tâm điều dưỡng, trang bị đầy đủ phương tiện kỹ thuật tiên tiến cho Trung Tâm y tế dự phòng tỉnh và Trung tâm y tế huyện, thị, Bệnh viện đa khoa khu vực.

Xây dựng Trung Tâm thể dục thể thao, Nhà Bảo tàng tỉnh.

4.6/ Hiện đại hóa hệ thống bưu chính viễn thông với công nghệ và kỹ thuật cao, cấp quang hóa trên đất liền đến tận thuê bao lớn ở khu vực đô thị để có thể sử dụng đa dịch vụ như truyền hình, truyền dẫn Internet v.v... Phát triển các trạm thông tin di động phủ sóng các địa bàn trong tỉnh. Hiện đại hóa mạng lưới thông tin đến tất cả các thuyền đánh cá xa bờ. Phấn đấu đến năm 2005, mật độ điện thoại đạt 5 - 6 máy/100 dân.

4.7/ Cải thiện và nâng cấp một cách cơ bản kết cấu hạ tầng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và 4 huyện lỵ Ninh Hải, Ninh Phước, Ninh Sơn, Bác Ái thành những trung tâm đô thị xanh - sạch - đẹp của tỉnh và

huyện, tập trung vào các nội dung sau: nhựa hóa toàn bộ các đường phố chính, xi-măng hóa hầu hết các hẻm phố ở thị xã và 3 huyện lỵ, kết hợp đồng bộ với xây dựng hệ thống thoát nước, cấp nước, vỉa hè, đèn đường, công viên, cây xanh ở nơi dân cư đang sinh sống. Đến năm 2005, giải quyết về cơ bản năng lực tiêu nước ở những khu bị ngập trong nội thị và vùng ven. Nâng công suất Nhà máy nước Phan Rang từ 12.000m^3 lên $30.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Đến trước năm 2005, kết cấu hạ tầng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm đạt tiêu chuẩn thành phố loại 3.

Quy hoạch đồng bộ các khu dân cư mới tại khu vực thị xã, huyện lỵ, các trung tâm cụm xã kết hợp với xây dựng kết cấu hạ tầng; giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư mới được thu hồi thông qua giá giao đất cho người sử dụng. Bảo đảm cho nhân dân có nhà ở, hưởng được mọi phúc lợi công cộng.

Hoàn tất quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các thị trấn, thị tứ và các điểm dân cư ở các vùng nông thôn, các khu trung tâm cụm xã ở miền núi. Tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ huyện lỵ Bác Ái.

5/ Xuất nhập khẩu, thương mại và dịch vụ:

Củng cố và nâng cao hiệu quả về chất lượng hoạt động của các loại hình thương mại, dịch vụ để thích ứng với sự phát triển ngày càng cao của thị trường

trong nước và nước ngoài trong giai đoạn mới. Thúc đẩy nhịp độ lưu thông hàng hóa trong tỉnh với cả nước, trong tỉnh với nước ngoài, tạo lập một thị trường kinh tế mở văn minh, tiến bộ, bắt kịp trình độ phát triển chung của thị trường trong nước. Hoạt động xuất khẩu và du lịch phải được đặt lên vị trí hàng đầu trong 5 - 10 năm tới, đồng thời chú trọng phát triển thị trường nông thôn, nhất là thị trường nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến và nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu. Phấn đấu tổng giá trị gia tăng của các hoạt động thương mại, dịch vụ hàng năm tăng bình quân 8 - 9%; đến năm 2005, chiếm 30% GDP của toàn tỉnh, thu hút khoảng 20% lao động xã hội.

5.1/ Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại là lĩnh vực quan trọng tạo thế mở cho nền kinh tế trong giai đoạn tới. củng cố tổ chức Công ty xuất nhập khẩu, hiện đại hóa thiết bị và công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và sản xuất, khả năng tiếp cận thị trường khu vực và thế giới. Tạo lập thị trường nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu. Khuyến khích các nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế trong tỉnh, ngoài tỉnh mở cơ sở chế biến hàng thủy sản, nông sản. Tận dụng cho được 3.000 tấn tôm, 2.000 tấn mực, 5.000 - 6.000 tấn cá biển, 2.000 tấn hạt điều, 20.000 tấn thóc sản xuất ở địa phương được đưa vào chế biến thành sản phẩm hàng hóa tham gia

thị trường xuất khẩu, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu lên 30 triệu USD vào năm 2005, trong đó doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Mở thêm một số cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu, kể cả xí nghiệp tư nhân để tận dụng nguyên liệu sẵn có ở địa phương.

Chủ động lập dự án để tìm đối tác nước ngoài, tỉnh ngoài và các tổ chức tài trợ quốc tế đầu tư vào tỉnh nhà, góp phần tạo thêm năng lực sản xuất mới, cải thiện kết cấu hạ tầng.

5.2/ Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình du lịch với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế gồm: Quốc doanh, liên doanh, tư nhân kể cả tư nhân liên doanh với tư nhân ngoài tỉnh, ngoài nước vào đầu tư phát triển du lịch; tạo nhiều cơ sở mới vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, thể thao nhằm gia tăng du khách nước ngoài, tỉnh ngoài đến địa phương. Đồng thời mở rộng hình thức du lịch lữ hành đưa khách trong tỉnh tham quan thắng cảnh và di tích lịch sử trong nước. Năm 2001, hoàn tất quy hoạch tổng thể, xác định rõ các điểm phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh gắn với công bố chính sách ưu đãi về đất đai, về thuế để thu hút đầu tư vào du lịch. Phấn đấu năm 2005, số du khách tăng 2 - 2,5 lần, doanh thu du lịch tăng bình quân 12%/năm.

5.3/ Hoạt động thương mại phải góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy lưu thông hàng hóa,

phục vụ tốt yêu cầu của sản xuất và cải thiện đời sống dân cư các vùng trong tỉnh; ngăn chặn có hiệu quả gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém phẩm chất. Tổ chức dịch vụ cung cấp thông tin về thị trường (cung-cầu hàng hóa, giá cả) đến các đơn vị sản xuất-kinh doanh. Phấn đấu tổng mức lưu chuyển hàng hóa toàn xã hội tăng bình quân hàng năm 9 - 10%; chú trọng mở rộng và củng cố thị trường nông thôn, miền núi. Tạo mối liên kết kinh tế giữa người sản xuất các loại nông sản, thủy sản hàng hóa với nhà chế biến, trước hết là quan hệ giữa chủ thuyền, chủ trại tôm với cơ sở chế biến thủy sản, giữa người sản xuất mía với Nhà máy đường, giữa chủ trại chăn nuôi gia súc gia cầm với các trung tâm chế biến thực phẩm ở đô thị.

Khuyến khích các chủ doanh nghiệp hình thành loại hình siêu thị quy mô vừa và nhỏ tại khu vực thị xã, huyện lỵ, cải tạo và nâng cấp các chợ nhỏ ở các phường, xã. Xây dựng trung tâm thương mại tại thị xã và trung tâm các huyện lỵ, từng bước tạo lập thị trường thương mại văn minh và ngày càng tiên tiến.

5.4/ Khuyến khích đổi mới phương tiện vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, tăng năng lực vận tải bình quân 15%/năm; phục vụ hành khách chu đáo, an toàn. Nâng cấp Bến xe thị xã, Bến xe tỉnh. Xây dựng các điểm chờ đón khách trên quốc lộ 1A, quốc lộ 27. Nghiên cứu phương án vận chuyển muối bằng đường thủy.

5.5/ Phát triển mạnh bưu chính-viễn thông đến tất cả các địa bàn trong tỉnh bằng kỹ thuật hiện đại, bắt kịp trình độ phát triển chung của cả nước. Phục vụ kịp thời nhu cầu thông tin phát triển nhanh của dân cư, của các tổ chức kinh tế và xã hội trong tỉnh với cả nước, bảo đảm an ninh quốc gia, mở rộng hệ thống thông tin kinh tế biển. Xây dựng và mở rộng các Trạm thông tin di động bảo đảm phủ sóng hầu hết các huyện, thị. Nâng cấp hệ thống phục vụ bưu chính tại các điểm giao dịch, bưu cục kang trang, lịch thiệp. Phấn đấu đến năm 2005 mật độ điện thoại các loại (cố định, di động, kinh tế biển, đa dịch vụ) đạt 5 - 6 máy/100 dân, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao, giá thành hạ.

5.6/ Xây dựng và hình thành trong các tầng lớp dân cư, các tổ chức kinh tế tập quán tham gia các loại hình bảo hiểm kinh tế, bảo hiểm xã hội, nhân thọ, y tế... Từng bước tạo lập cơ chế bảo hiểm an sinh xã hội. Nghiên cứu tổ chức dịch vụ môi giới kinh doanh địa ốc tại khu vực thị xã và 3 huyện lỵ, tạo thuận lợi cho người mua và người bán nhà, đất.

6/ Phát triển khoa học và công nghệ:

Mục tiêu phát triển 5 năm tới là phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng để phát triển lực lượng cán bộ khoa học-kỹ thuật, vừa xúc tiến quy hoạch; sắp xếp lại các tổ chức nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao công

nghe, bố trí lại lực lượng, phân công nhiệm vụ cụ thể tránh chồng chéo, trùng lặp. Có chính sách thu hút các nhà khoa học về tỉnh. Tăng cường cán bộ đại học và trung học chuyên nghiệp xuống cơ sở và các ngành sản xuất.

6.1/ *Nâng cao năng lực tiếp cận và ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin* vào các hoạt động sản xuất-kinh doanh, quản lý, ở tất cả các ngành và lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế tỉnh nhà. Xúc tiến lập Trung tâm công nghệ thông tin Ninh Thuận.

6.2/ *Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông*, chuyển giao kịp thời và ứng dụng rộng rãi vào sản xuất nông nghiệp về công nghệ sinh học và công nghệ sản xuất các loại cây trồng chính nhằm tạo sự đột phá về năng suất cây trồng, vật nuôi đủ sức cạnh tranh trước sự đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Trước mắt, tập trung quy hoạch xong các vùng chuyên canh lớn sản xuất các loại nông sản chính và các vùng chăn nuôi gia súc tập trung, các vùng phát triển kinh tế trang trại. Giải quyết các bộ giống cây trồng chính có chất lượng, năng suất và giá trị thương phẩm cao trên các vùng sản xuất. Bảo đảm chất lượng giống cây công nghiệp, cây ăn trái dài ngày, ngắn ngày để phát triển kinh tế vườn ở vùng miền núi. Xúc tiến công tác quy hoạch và nghiên cứu làm rõ những điều kiện để đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

Nâng cao trình độ cơ giới hóa, thủy lợi hóa gắn với ứng dụng công nghệ tưới tiêu khoa học và công nghệ sau thu hoạch, bảo đảm nguyên liệu nông sản chất lượng cao cho công nghiệp chế biến. Tăng cường xây dựng, củng cố tổ chức khuyến nông.

6.3/ *Trong thủy sản*: Nghiên cứu quy trình nuôi tôm bố mẹ để chủ động sản xuất tôm giống chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Nâng diện tích nuôi tôm thịt theo quy trình công nghiệp lên 75% diện tích, bảo đảm năng suất từ 25 tạ/ha trở lên, chủ động xử lý có hiệu quả các loại dịch bệnh đối với tôm, hạn chế tối đa thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Nghiên cứu để nâng cao trình độ cơ giới hóa công cụ, ngành nghề và công nghệ đánh cá trên tất cả thuyền nghề có công suất từ 45CV trở lên, bảo đảm hoạt động quanh năm trên tất cả các ngư trường, trong đó ưu tiên hiện đại hóa công nghệ bảo quản sản phẩm từ khâu khai thác đến khâu chế biến và tiêu thụ để gia tăng sản lượng sản phẩm chất lượng cao.

Tăng cường củng cố hoạt động khuyến ngư có hiệu quả. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ chuyển giao công nghệ.

6.4/ *Có cơ chế khuyến khích các cơ sở công nghiệp quan tâm đổi mới thiết bị, tiếp cận, du nhập công nghệ mới, hiện đại, trọng tâm là hiện đại hóa thiết bị và công nghệ ở các đơn vị chế biến hàng xuất*

khẩu và hàng tiêu dùng chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia về chất lượng, từng bước đạt tiêu chuẩn ISO 9000 để tạo thế cạnh tranh trong môi trường toàn cầu hóa; đưa hệ số đổi mới thiết bị lên 10%/năm.

6.5/ *Chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái; cải thiện một cách căn bản môi trường sống tại khu dân cư, nhất là ở khu dân cư đô thị và tại 3 trung tâm nghề cá.*

6.6/ *Khoa học xã hội và nhân văn phải góp phần nâng cao năng lực cụ thể hóa đường lối và chính sách vĩ mô vào điều kiện thực tế ở tỉnh nhà; xây dựng một số chương trình kinh tế và cơ chế kích thích nhằm huy động mọi nguồn lực trong cộng đồng dân cư tạo tăng trưởng và hiệu quả của nền kinh tế-xã hội tỉnh nhà trong 5 đến 10 năm tới. Tổng kết thực tiễn các mô hình và nhân tố mới.*

Xây dựng một số dự án nâng cao chất lượng trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, chăm sóc sức khỏe và nâng cao thể lực của nhân dân. Nghiên cứu, sưu tầm lịch sử, truyền thống địa phương. Sưu tầm và nâng cao những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trong tỉnh. Xúc tiến xây dựng địa chí Ninh Thuận.

6.7/ *Xây dựng cơ chế để khuyến khích sự gắn kết hoạt động có hiệu quả của cán bộ khoa học-kỹ thuật với sản xuất, thông qua lợi ích kinh tế do kết quả ứng dụng khoa học đem lại cho người sản xuất.*

Vốn đầu tư để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, đổi mới thiết bị phải được huy động từ nhiều nguồn (vốn của doanh nghiệp, vốn của ngân sách và vốn tín dụng). Hàng năm cần dành tương ứng từ 1,5 - 2% chi ngân sách cho sự nghiệp khoa học. Vốn ngân sách chỉ đầu tư vào những đề tài thực sự có ý nghĩa thiết thực, có thể giải đáp được những vấn đề mà cuộc sống đang cần. Tăng cường hơn nữa vai trò quản lý nhà nước trong việc lựa chọn đề tài nghiên cứu và ứng dụng vào đời sống xã hội.

III/ Phát triển văn hóa-xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Cùng với sự phát triển theo hướng xây dựng nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin, sự nghiệp giáo dục-đào tạo nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực là nhằm nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực về cả thể chất và kiến thức, đạo đức và lối sống, tạo sự chuyển biến theo hướng thực hiện công bằng xã hội. Đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược đối với tỉnh nhà.

1/ Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo và dạy nghề:

1.1/ Tiếp tục thực hiện phương châm đa dạng hóa, xã hội hóa, Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục; đầu tư đúng mức, đủ lớp, đủ trường, đủ giáo viên để đáp ứng 95% số người

trong độ tuổi được đến trường. Thực hiện đa dạng hóa hình thức giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Thu hẹp dần các lớp bán công tại các trường trung học cơ sở, mở rộng trường và lớp bán công ở bậc trung học phổ thông. Nâng tỷ lệ học sinh đã tốt nghiệp vào bậc trung học phổ thông đạt 70%; củng cố kết quả xóa mù chữ, chống tái mù chữ, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở tại thị xã và 3 thị trấn huyện lỵ. Phấn đấu tăng nhanh tỷ lệ số thanh niên trong độ tuổi 18 - 35 có học vấn trung học cơ sở trở lên; tăng số học sinh ở các xã vùng núi cao, học sinh dân tộc vào các trường dân tộc nội trú. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong hệ thống giáo dục phổ thông cả về kiến thức, tư tưởng và đạo đức, bảo đảm kiến thức cơ bản, rèn luyện tư duy sáng tạo cho học sinh, khắc phục tình trạng học thêm, dạy thêm tràn lan và những tiêu cực trong thi cử. Đào tạo đủ và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên các cấp, các môn học. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống giáo dục, đến năm 2005 ít nhất 50% số trường trong hệ thống phổ thông đều có chi bộ Đảng, trong đó 60% trong sạch vững mạnh. Cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống giáo dục được nâng cấp, bảo đảm 100% trường lớp trong hệ thống phổ thông (cả đồng bằng, miền núi, ven biển) đều được kiên cố và bán kiên cố, các trường ở miền núi, vùng sâu, vùng xa đều có nhà ở, tiện nghi cho giáo viên từ xa đến. Chấm dứt lớp học ca ba, trang

bị máy tính đến tất cả các trường trung học phổ thông và các trường trung học cơ sở ở thị xã và 3 thị trấn, mở rộng dần đến các trường ở nông thôn. Khuyến khích phát triển mạnh các lớp tự thực thuộc hệ mầm non ở thị xã, thị trấn và nông thôn đặt trong sự quản lý chuyên môn của ngành giáo dục.

1.2/ Phát triển mạnh công tác đào tạo, dạy nghề, tạo nguồn lao động có kiến thức, có chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu đa dạng về chất lượng của thị trường lao động trong tỉnh, các khu công nghiệp và thị trường lao động ở nước ngoài, đáp ứng tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa 5 - 10 năm tới, tạo điều kiện để lao động trẻ có tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn tìm việc làm. Theo hướng trên phải mở rộng quy mô đào tạo, dạy nghề tại Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề tỉnh, huyện, xây dựng trường đào tạo công nhân kỹ thuật đa ngành ở tỉnh. Công tác đào tạo dạy nghề phải theo một cơ cấu hợp lý để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong tỉnh và nhu cầu của thị trường lao động; vừa tăng cường chất lượng chính trị và kiến thức chuyên sâu cho đội ngũ công chức trong hệ thống chính trị ở địa phương. 5 năm tới, phấn đấu để ít nhất có 70% lao động trẻ từ 18 - 35 tuổi có kiến thức trung học cơ sở và 30% lao động được đào tạo nghề có chứng chỉ tại các trường chuyên nghiệp, dạy nghề, các trường đại học, cao đẳng... trong

tỉnh, ngoài tỉnh. Mở lớp đào tạo kỹ thuật cho thuyền trưởng, thợ máy để đến năm 2005 - 100% thuyền trưởng, thợ máy trên tàu 70CV trở lên có chứng chỉ nghề; mở lớp đào tạo cán bộ kỹ thuật nông nghiệp để đến năm 2005, ít nhất 70% trại chăn nuôi gia súc có cán bộ chăn nuôi thú y của trại, 70% số xã ở các vùng sản xuất chuyên canh cây trồng chính đều có cán bộ kỹ thuật và kinh tế nông-lâm nghiệp.

Toàn bộ công chức nhà nước cấp chuyên viên và cán bộ chủ chốt ở xã, phường đều được đào tạo và bồi dưỡng về chính trị tại Trường chính trị tỉnh, công chức nhà nước đều có chứng chỉ chuyên môn. Hàng năm mở lớp chuyên đề ngắn ngày về quản trị doanh nghiệp cho cán bộ lãnh đạo và trưởng, phó phòng các doanh nghiệp trong tỉnh. Cán bộ cấp phòng của doanh nghiệp, huyện, sở và lãnh đạo Sở phải biết sử dụng thành thạo máy tính và ứng dụng phần mềm tin học.

2/ Phát triển văn hóa và các lĩnh vực xã hội:

2.1/ Phát triển mạnh phong trào toàn dân thực hiện nếp sống văn hóa, xây dựng gia đình, thôn xóm, cơ quan, doanh nghiệp văn hóa. Đến năm 2005, xây dựng 39% số thôn, khu phố đạt chuẩn văn hóa quốc gia, trên 50% gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, xây dựng phong trào "người tốt, việc tốt", xây dựng con người mới có kiến thức, đạo đức, lối sống có tâm huyết xây dựng quê hương, đất nước. Đấu tranh loại

trừ các sản phẩm văn hóa độc hại, phản động, các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan. Bảo vệ và tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc trong tỉnh, giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng giữ nước của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh nhà. Tiếp tục đưa các hoạt động văn hóa, thông tin về cơ sở, vùng đồng bào dân tộc. Xây dựng Nhà bảo tàng cách mạng Ninh Thuận, công viên, nhà truyền thống ở các huyện. Khuyến khích các hoạt động sáng tác thơ ca, văn học-nghệ thuật, báo viết, báo hình phản ánh sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh nhà, phản ánh thành tích của nhân dân các dân tộc trong 2 cuộc kháng chiến giải phóng quê hương, đất nước. Hiện đại hóa hệ thống phát thanh, truyền hình, phủ sóng đến tất cả các xã, nâng mật độ sử dụng máy thu hình lên trên 70% số hộ dân trong tỉnh. Nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền hình, phát thanh, báo chí, tăng thời lượng và chất lượng phát thanh, phát hình bằng tiếng Chăm, Rắclây, tăng thời lượng phổ biến đường lối, chính sách, luật pháp trên đài địa phương.

2.2/ Chú trọng phát triển y tế dự phòng, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu, có chính sách thỏa đáng để tăng cường bác sĩ, nữ hộ sinh xuống các trạm y tế cơ sở, 50% xã, phường, thôn xóm có cán bộ

y học cổ truyền và y sĩ. Nâng cao chất lượng khám và điều trị ở cả 3 tuyến tỉnh, huyện và cơ sở. Đề cao tinh thần trách nhiệm và y đức của người thầy thuốc đối với bệnh nhân, ngăn chặn những tiêu cực trong các hoạt động y tế, bảo đảm cho những người có công với nước được hưởng chế độ chăm sóc y tế, miễn giảm viện phí cho những người quá nghèo, đặc biệt người nghèo là đồng bào dân tộc ở miền núi.

Hoàn thành các chương trình y tế quốc gia, thanh toán các loại bệnh xã hội, ngăn chặn có hiệu quả bệnh sốt xuất huyết, tả, thương hàn, sốt rét. Thực hiện tốt chỉ tiêu tiêm chủng các loại vacxin đối với trẻ em. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 25%. Tiếp tục đầu tư để từng bước hiện đại hóa Bệnh viện tỉnh, tăng cường thiết bị tiên tiến cho Bệnh viện khu vực, cho các Trung tâm y tế cấp huyện và chuẩn hóa các trạm y tế cơ sở. Thực hiện tốt công tác truyền thông dân số, công tác kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 1,5% vào năm 2005 gắn công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Xây dựng phong trào rèn luyện thân thể trong cộng đồng dân cư, người cao tuổi, giáo dục thể chất trong các trường học, phát triển tổ chức câu lạc bộ thể dục thể thao rộng khắp các phường, xã để ít nhất 15% dân số thường xuyên tham gia phong trào thể dục và

rèn luyện thân thể. Đồng thời chọn lựa, tạo điều kiện phát triển các loại hình thể thao có thành tích cao.

2.3/ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm. Trong 5 năm phấn đấu giải quyết cho được từ 40 - 45 ngàn lao động có việc làm, đến năm 2005 giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 5%. Nâng thời gian làm việc ở nông thôn lên 80%, quan tâm chỉ đạo sản xuất và đầu tư cơ sở hạ tầng ở các vùng nghèo, xã nghèo, nhất là các xã vùng núi, vùng thiếu nước sản xuất, giải quyết có hiệu quả vốn cho vay hỗ trợ người nghèo đúng đối tượng, đúng nhu cầu vay vốn. Phấn đấu đến năm 2005, toàn tỉnh không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống 5%. Số xã nghèo giảm 50%. Xây dựng phong trào chăm sóc, giúp đỡ gia đình chính sách, người có công với cách mạng trong cộng đồng dân cư, trong các đoàn thể, bảo đảm mức sống ít nhất bằng mức trung bình tại địa phương cư trú. Duy trì và phát triển phong trào tương thân, tương ái đối với những người neo đơn, những gia đình gặp thiên tai, hoạn nạn.

IV/ Định hướng phát triển các vùng:

1/ Vùng kinh tế biển và ven biển:

Đây là vùng còn nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển; trong những năm tới cần được đầu tư đúng mức để sớm trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh.

Hướng phát triển trọng tâm ở vùng này là phát triển mạnh khai thác và nuôi trồng thủy sản, bao gồm nuôi tôm thịt, tôm giống và các loại hải sản (cả vùng đất cát và mặt biển) gắn với công nghiệp chế biến thủy sản, đóng và sửa chữa tàu thuyền, phát triển mạnh muối công nghiệp lên 3.500 ha, trở thành vùng nguyên liệu muối công nghiệp lớn nhất cả nước. Phát triển mạnh du lịch với các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao. Phát triển nhanh và vững chắc dải rừng phòng hộ ven biển. Phát triển công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng bằng đá granit, phát triển mạng lưới thị tứ, thị trấn ven biển (Cà Ná, Đông Hải, Ninh Chữ, Mỹ Tân, Vĩnh Hy).

Để vùng này phát triển nhanh, cần đầu tư nâng cấp, mở mới tuyến đường ven biển từ Bắc đến Nam liên hoàn với các vùng trong tỉnh. Đồng bộ hóa 3 cảng cá lớn của tỉnh, phát triển mạng lưới điện dọc theo ven biển, xây dựng các hồ nước nhỏ phục vụ nuôi tôm sú, tôm giống và nước sinh hoạt cho dân cư. Đến năm 2005, giảm đáng kể số hộ đói nghèo ở vùng ven biển.

2/ Vùng đồng bằng: Đây là vùng trọng điểm phát triển lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái gắn với chăn nuôi gia súc, gia cầm. Cần sớm quy hoạch chi tiết để phát triển chiều sâu với trình độ thâm canh cao, tăng nhanh nông sản hàng hóa chất lượng cao, phấn đấu đưa doanh thu bình quân ở vùng này lên

trên 25 triệu đồng/ha canh tác vào năm 2005. Tập trung nâng cấp nhựa hóa hệ thống giao thông, nâng cấp bê-tông hóa các công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, giải quyết cơ bản việc thoát lũ vào mùa mưa để giảm thiểu rủi ro trong sản xuất. Phát triển mạng lưới chợ, các cụm thương mại tại các thị tứ và vùng đông dân cư, trung tâm cụm xã.

Xây dựng thị xã Phan Rang-Tháp Chàm phát triển đồng bộ cả cơ sở sản xuất; dịch vụ thương mại, tài chính tín dụng, cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, kết cấu hạ tầng, cây xanh, công viên, các khu dân cư. Phát triển nhanh kinh tế đô thị với cơ cấu công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp chất lượng cao; hội đủ điều kiện về kết cấu hạ tầng và kinh tế - văn hóa - chính trị để sớm trở thành thành phố loại 3.

3/ Miền núi vùng cao:

Miền núi chiếm trên 2/3 diện tích tự nhiên của tỉnh, có tiềm năng về rừng, phát triển các loại cây công nghiệp, cây ăn trái dài ngày, ngắn ngày, có lợi thế phát triển chăn nuôi đại gia súc; là vùng căn cứ cách mạng, nhân dân có truyền thống vượt khó, lao động cần cù. Tuy nhiên, sản xuất mang tính tự cung, tự cấp và lệ thuộc thiên nhiên, trước hết là ở 15 xã đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, là địa bàn mà tập quán canh tác còn lạc hậu. Số đông nhân dân còn nghèo, đời sống khó khăn, văn hóa còn thấp. Đòi hỏi

phải chú trọng hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của UBND các cấp nhằm đạt mục tiêu đến năm 2005, đưa nền kinh tế miền núi đi dần vào sản xuất hàng hóa để ổn định và cải thiện mức sống; cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, trường học, y tế được cải thiện rõ nét; đời sống văn hóa, tinh thần và dân trí được nâng cao. Xóa hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo xuống dưới 15%. Cơ bản hoàn thành mục tiêu định canh định cư, ổn định sản xuất, ổn định đời sống, chấm dứt nạn phá rừng, làm rẫy, tái du canh, du cư.

3.1/ Về kinh tế:

Bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn, thực hiện giao đất, giao rừng cho dân để phục hồi có hiệu quả rừng nghèo hiện có.

Khảo sát lại điều kiện địa hình, quỹ đất và các dự án phát triển thủy lợi để bố trí lại cơ cấu cây trồng thích hợp, đi dần vào hướng sản xuất hàng hóa. Hướng phát triển ở các xã miền núi là đổi mới tập quán canh tác, áp dụng kỹ thuật thâm canh trên đất ruộng và đất rẫy-độ dốc thấp, để gia tăng sản lượng lương thực; phát triển kinh tế vườn trên vùng đất sườn đồi gồm cây điều, cây ăn trái, trồng cây lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày ở vùng đất bằng; phát triển chăn nuôi gia súc có sừng gắn với phát triển các ngành nghề dịch vụ và thương mại. Mở rộng diện tích trồng điều 6.000 ha, trong đó định hình 3.000 ha thâm canh

đạt sản lượng cao phục vụ cho công nghiệp chế biến xuất khẩu. Phát triển mạnh gia súc có sừng (bò, dê, cừu) trong mỗi hộ gia đình, kể cả việc khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ để trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn ở các xã miền núi.

Phát động phong trào lập vườn hộ trồng cây công nghiệp, cây ăn trái dài ngày, ngắn ngày (mỗi hộ từ 0,5 - 1 ha) để sau 5 - 7 năm hình thành vùng cây ăn trái từ 1.000 - 1.200 ha có sản phẩm hàng hóa bổ sung vào phần thiếu hụt về lương thực.

Quy hoạch, bố trí lại cây trồng thuộc hệ thống tưới của công trình thủy lợi Sông Sắt, kênh Tây Sông Pha, hồ Tân Giang (Phước Hà-Nhị Hà) theo hướng trồng bông có tưới, bắp lai, cây họ đậu. Ổn định các vùng chuyên canh mía, mở rộng diện tích thuốc lá sợi vàng.

Kiên cố hóa các công trình thủy lợi nhỏ hiện có (đầu mối, kênh mương). Hoàn thành việc nhựa hóa toàn bộ các tuyến đường đến trung tâm các xã, bảo đảm lưu thông hàng hóa và hành khách suốt trong năm, đẩy nhanh tiến độ thi công quốc lộ 27B.

Chuẩn bị đủ điều kiện để sau năm 2005 nâng cấp kỹ thuật nhựa hóa tuyến đường Ninh Bình - Phước Bình, Hòa Sơn - Ma Nối. Xây dựng hoàn chỉnh huyện lỵ Bắc Ái.

Kiên cố hóa các trường lớp ở các xã, kể cả nhà ở giáo viên, các trường nội trú, hoàn thành xây dựng Bệnh viện khu vực Ninh Sơn, các trạm y tế xã, Nhà bảo tàng Bác Ái, các trung tâm cụm xã, xây dựng một số chợ ở vùng đông dân. Tiếp tục hoàn thiện định canh, định cư.

3.2/ Về văn hóa xã hội:

Chú trọng bồi dưỡng và đào tạo cán bộ chủ chốt và cán bộ các ngành cho các xã miền núi, hầu hết cán bộ chủ chốt ở xã được qua đào tạo lý luận trung cấp chính trị và quản lý nhà nước. Tăng cường đủ và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, 50 - 60% giáo viên THCS đều là người dân tộc. Phấn đấu đến năm 2005 trên 90% số cháu trong độ tuổi được đến trường tiểu học, 50% số thanh niên trong độ tuổi từ 18 - 25 có kiến thức tốt nghiệp THCS. Tăng cường chất lượng và số lượng học sinh con em dân tộc trong trường nội trú để tạo nguồn đào tạo cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế, cán bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho miền núi. Các Trạm y tế xã đều có đủ cán bộ trung cấp y tế và nữ hộ sinh. Có chính sách động viên lực lượng thanh niên có trình độ đại học, cao đẳng, y-bác sĩ tình nguyện lên phát triển kinh tế-xã hội ở miền núi theo chế độ luân chuyển cán bộ.

Hoàn thiện việc xây dựng Trường phổ thông dân tộc miền núi ở các bậc học, cấp học để tạo nguồn

nhân lực có chất lượng cho các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

Hoàn thành cơ bản mục tiêu chương trình y tế quốc gia ở các xã miền núi. Hầu hết các xã đều có làng văn hóa, có đội văn nghệ, nhân dân được sử dụng nước sạch và 80% số hộ đều có điện thắp sáng và sản xuất. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét, không còn hộ đói giáp hạt, giảm hộ nghèo xuống dưới 15%. Thực hiện chế độ học bổng toàn phần cho cán bộ và thanh niên ở 15 xã miền núi cử đi đào tạo tại các trường chuyên nghiệp, dạy nghề và Trường Chính trị ở tỉnh.

V/ Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội:

Mặc dù xu thế toàn cầu hóa và hội nhập nhanh nhưng tình hình chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch dựa trên ưu thế về kinh tế, khoa học công nghệ và quân sự lôi kéo đồng minh ra sức chi phối các cơ chế chính trị, quân sự, tài chính quốc tế để thực hiện tham vọng trở thành siêu cường số 1 lãnh đạo thế giới; ráo riết tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình”, đe dọa chiến tranh, nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, coi Việt Nam là trọng điểm. Cả nước cũng như Tỉnh ta đang đứng trước những thời cơ vận hội đan xen với

những nguy cơ thách thức mới. Các mối đe dọa về an ninh quốc gia ảnh hưởng tác động trực tiếp đến địa phương. Tình hình chính trị-xã hội đang tiềm ẩn nhiều nhân tố bất ổn định, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và sức mạnh của toàn dân; trên cơ sở tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 8 của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới và Nghị quyết 9 của Chính phủ về chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, xây dựng, củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, hình thành thế chiến lược phòng thủ và tiến công, không để xảy ra những đột biến bất ngờ về an ninh chính trị, phức tạp về trật tự xã hội, kiên quyết giữ vững sự ổn định trong mọi tình huống.

Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương. Trên cơ sở kế hoạch phòng thủ cơ bản, từng bước bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng; xây dựng tiềm lực quốc phòng đủ sức ứng phó thắng lợi mọi tình huống có thể xảy ra cả trước mắt và lâu dài. Bảo vệ và quản lý chặt chẽ an ninh vùng biển và lãnh hải. Chăm lo chính sách hậu

phương, quân đội, giải quyết cơ bản tồn đọng chính sách sau chiến tranh, giao quân hàng năm đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, đi đôi với giải quyết triệt để tình trạng quân nhân đào ngũ, bỏ ngũ. Tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ bản chất phản động và âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Đặc biệt chú trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, tư tưởng và văn hóa, phòng chống nội gián, bảo vệ chặt chẽ bí mật nhà nước. Tập trung chỉ đạo xây dựng củng cố thể trận an ninh nhân dân và các phương án bảo vệ an ninh trật tự liên hoàn trên các tuyến, các vùng. Phát động phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc sâu rộng, nâng cao hiệu quả các biện pháp quản lý nhà nước về an ninh trật tự, kịp thời phát hiện đấu tranh ngăn chặn các hoạt động móc nối chống phá của các thế lực thù địch. Phát hiện, giải quyết tốt tại cơ sở các vụ tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân; chủ động trấn áp các loại tội phạm kinh tế, hình sự và tệ nạn xã hội.

Chăm lo xây dựng cơ quan quân sự các cấp vững mạnh toàn diện; đảm bảo thực hiện tốt vai trò tham

muu cho cấp ủy và chính quyền về nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương, đồng thời thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng trên địa bàn phòng thủ của tỉnh. Tập trung xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, từng bước tiến lên chính quy hiện đại; có trình độ chỉ huy, kỹ thuật, chiến thuật, tác chiến giỏi, bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt. Làm tốt công tác đăng ký, quản lý và xây dựng lực lượng dự bị động viên, bảo đảm nâng cao trình độ sẵn sàng động viên và chiến đấu. Phấn đấu 100% xã, phường có Đảng ủy; xây dựng chi bộ dân quân cơ động; 100% xã, phường đội trưởng là cấp ủy viên; tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ phải đạt 10%.

Quan tâm xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch vững mạnh, chính quy tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trong đó coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xuyên suốt. Giáo dục, rèn luyện lực lượng Công an nhân dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa; hết lòng, hết sức vì nhân dân phục vụ. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức nghiệp vụ tinh thông; rèn luyện phẩm chất đạo đức và lối sống của người Công an cách mạng theo 6 điều Bác Hồ dạy. Chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, trang thiết bị và điều kiện làm việc cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang ngày càng tốt hơn.

Xây dựng lực lượng công an xã, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp theo hướng “dân bàn, dân cử, dân chăm lo” đảm bảo đủ số lượng, chú trọng chất lượng chính trị; kiện toàn đội ngũ trưởng, phó công an xã, đảm bảo 100% là đảng viên, được huấn luyện thuần thực về nghiệp vụ và nâng cao phẩm chất chính trị.

Chú trọng công tác giáo dục luật pháp trong nhân dân, trong các cơ quan, xí nghiệp. Tăng cường chất lượng hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật.

VI/ Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân:

Tiếp tục tăng cường xây dựng và chỉnh đốn Đảng trên các mặt tư tưởng, chính trị; tổ chức và cán bộ; phát huy bản chất giai cấp công nhân; nâng cao kiến thức và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của từng cơ sở Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị của toàn Đảng bộ. Khắc phục những mặt yếu kém, ngăn chặn và đẩy lùi những biểu hiện suy thoái. củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân là nhiệm vụ then chốt có tầm quyết định động viên nhân dân trong tỉnh thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng ở thời kỳ mới. Phát huy được vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng của các cấp

ủy Đảng và cán bộ, đảng viên. Nội bộ Đảng phải bảo đảm trong sạch, vững mạnh.

1/ Tăng cường xây dựng và nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ về mặt chính trị, tư tưởng. Nâng cao kiến thức và năng lực lãnh đạo, rèn luyện đạo đức và lối sống. Tạo sự thống nhất cao về ý chí và hành động:

1.1/ Tiếp tục bồi dưỡng và nâng cao kiến thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chú trọng bồi dưỡng để quán triệt sâu sắc đường lối chính trị của Đảng, nắm vững nhiệm vụ, mục tiêu và quan điểm phát triển trong chiến lược kinh tế-xã hội 10 năm (2001 - 2010) và kế hoạch 5 năm mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đề ra. Quán triệt nhiệm vụ, mục tiêu 5 năm 2001 - 2005 của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức và ý chí hành động trong toàn Đảng bộ, góp phần giữ vững vai trò vị trí lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Mỗi tổ chức Đảng phải chủ động làm tốt công tác tư tưởng trong nội bộ và nhân dân, đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng lệch lạc, những âm mưu và luận điệu phá hoại chống Đảng Cộng sản của các thế lực thù địch. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn

những biểu hiện bè phái, cục bộ gây mất đoàn kết, tư tưởng thực dụng, chạy chức, chạy quyền, lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân, làm giàu phi pháp, những biểu hiện gây phân tâm trong nội bộ Đảng và trong nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đưa việc tự phê bình và phê bình trở thành nề nếp thường xuyên trong sinh hoạt Đảng.

Các tổ chức Đảng phải giữ vai trò nòng cốt trong việc lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, nhưng chống dân chủ cực đoan vô Chính phủ, lợi dụng dân chủ để chống Đảng.

Tiếp tục coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Kiểm tra, xác minh, làm rõ lịch sử chính trị ngay từ khâu kết nạp đảng viên mới và xem xét kết luận kịp thời những trường hợp cán bộ, đảng viên có liên quan về lịch sử chính trị để bố trí, sử dụng hợp lý.

1.2/ Kiện toàn và nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng, mở rộng dân chủ, tăng cường kỷ luật, giữ vững đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ:

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của chi bộ và tổ chức cơ sở Đảng, cải tiến và nâng cao chất lượng các cuộc họp của các cấp ủy Đảng. Nội dung, chủ đề các cuộc họp phải được chuẩn bị chu đáo, có trọng tâm, thiết thực và bảo đảm thảo luận dân chủ, tranh luận

thắng thắn, kết luận rõ từng vấn đề; khi có ý kiến còn khác nhau phải biểu quyết, ra nghị quyết và phân công trách nhiệm rõ ràng, bảo lưu những ý kiến khác với ý kiến số đông; đồng thời mỗi đảng viên, cấp ủy viên phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành nghị quyết, phổ biến ý kiến, quan điểm riêng của mình, gây phân tâm, mất đoàn kết phải được đấu tranh và xử lý nghiêm khắc. Các Ban cán sự Đảng và Đảng đoàn ở các đơn vị cần phát huy vai trò và nâng chất lượng tham mưu, lãnh đạo thực hiện nghiêm túc mọi nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong đơn vị và ngành được giao.

Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình thường xuyên theo định kỳ, có chất lượng, tránh hình thức, đảm bảo tổ chức cơ sở Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh làm hạt nhân lãnh đạo chính trị trong đơn vị và từng địa phương. Phấn đấu ít nhất 60% cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, trong đó tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng xã, phường, thị trấn đạt trong sạch, vững mạnh ít nhất 45%; xóa dần các cơ sở yếu kém. Đến năm 2005 tất cả các điểm dân cư đều có đảng viên. Chú trọng hơn nữa công tác phát triển Đảng, bồi dưỡng, phát hiện những quần chúng tốt trong thanh niên, viên chức, công nhân, đội ngũ trí thức, nông dân tiên tiến, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang để

phát triển 2.000 đảng viên mới. Mỗi đảng viên phải thể hiện rõ vai trò gương mẫu trong công tác, lối sống tại đơn vị và nơi cư trú, chấp hành nghiêm pháp luật, chịu sự góp ý và giám sát của nhân dân về phong cách, lối sống. Đảng viên là cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị phải chịu trách nhiệm về những sai phạm trong ngành và đơn vị do mình phụ trách.

1.3/ Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và cán bộ trong hệ thống chính trị của toàn Đảng bộ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới:

Các cấp ủy và cơ quan chức năng của Đảng hàng năm phải lập kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, vừa quán triệt sâu sắc đường lối chính trị và quan điểm phát triển trong chiến lược kinh tế-xã hội thời kỳ 2001 - 2010 của Đảng, vừa phải có kiến thức chuyên sâu về chức trách được giao, nâng cao năng lực vận dụng sáng tạo nghị quyết của Đảng và chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương, ngành.

Phải đặc biệt coi trọng đào tạo cán bộ chủ chốt cấp huyện, thị và cấp tỉnh, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên gia đầu đàn trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn mà phát hiện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế thừa bổ sung vào cán bộ lãnh đạo các cấp, ngành cho

5 - 10 năm tới. Đến năm 2005, cán bộ cấp trưởng, phó phòng, cán bộ chủ chốt cấp huyện trở lên đều phải học xong chương trình cao cấp về lý luận và phải có trình độ chuyên môn bậc đại học. Chú trọng công tác quy hoạch bồi dưỡng cán bộ trẻ, có học vấn, có đạo đức, cán bộ là người dân tộc ở miền núi, cán bộ nữ, cán bộ ở các xã vùng sâu, vùng xa...

Việc cất nhắc, đề bạt, bố trí cán bộ lãnh đạo phải dựa vào tiêu chuẩn phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực trí tuệ, kết quả hoạt động thực tiễn và phải theo quy trình chặt chẽ, khắc phục tư tưởng cục bộ khép kín. Đảng thực hiện thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, quản lý cán bộ theo nguyên tắc tập trung, dân chủ.

1.4/ Tiếp tục cải tiến phương thức lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa đảng viên với nhân dân. Trước hết, phải nâng cao chất lượng các nghị quyết-sát với tình hình của địa phương, ngành, đơn vị, mang lại hiệu quả thiết thực; cụ thể hóa được các nghị quyết, chủ trương của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X vào từng ngành, từng đơn vị và địa phương. Các cấp ủy Đảng phải bố trí lịch làm việc với các đoàn thể; phát huy tính chủ động sáng tạo của các Ban cán sự Đảng và Ban Chấp hành các đoàn thể, các Đảng đoàn Hội quần chúng và ủy ban Mặt trận các cấp. Kiện toàn và

nâng cao chất lượng tham mưu của các Ban chuyên môn của Đảng. Nâng cao chất lượng hoạt động các phương tiện thông tin đại chúng vào việc phổ biến, tuyên truyền chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến vào những chủ trương lớn của Đảng bộ và chính quyền cấp mình, tham gia giám sát hoạt động của cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp từ tỉnh đến huyện phải thường xuyên đi cơ sở tiếp xúc với nhân dân, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, phát hiện và xử lý những khuyết điểm, tồn tại trong quá trình thực hiện nghị quyết tại cơ sở.

Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy Đảng về việc tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật Nhà nước, uốn nắn kịp thời sai sót lệch lạc. Xử lý nghiêm minh những cán bộ đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước, tham nhũng, gây lãng phí; mất dân chủ.

2/ Xây dựng hệ thống chính quyền trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của HĐND và UBND các cấp từ tỉnh, huyện đến cơ sở:

Nâng cao chất lượng nghị quyết của các kỳ họp của HĐND các cấp; thể hiện được ý chí và nguyện vọng của dân, phù hợp với đường lối, chủ trương của

Đảng. Tăng cường giám sát của HĐND đối với hoạt động của UBND các cấp trong việc thực hiện nghị quyết của HĐND. Phát huy vai trò đại biểu HĐND theo luật định, cải tiến phương thức tiếp xúc với cử tri có hiệu quả thiết thực, phản ánh được ý kiến của số đông cử tri đến Thường trực HĐND. Kiểm tra và đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Các ngành và UBND các cấp có trách nhiệm trả lời nghiêm túc chất vấn của đại biểu nhân dân.

Kiến toàn và tinh giản bộ máy thuộc UBND cấp tỉnh và huyện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII); tăng cường chất lượng làm việc và nâng cao kiến thức chuyên môn của công chức nhà nước, phân công trách nhiệm và phân cấp rõ ràng cho từng ngành, sở; xác định rõ chức danh nhiệm vụ của từng công chức nhà nước, khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm.

Chất lượng hoạt động của UBND các cấp được thể hiện trước hết ở năng lực cụ thể hóa đường lối của Đảng và chủ trương chính sách của Chính phủ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, thể chế hóa kịp thời Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và nghị quyết hàng năm của Tỉnh ủy thành chương trình và mục tiêu hoạt động của UBND. Nâng cao chất lượng quy hoạch và chất lượng công tác kế hoạch hóa 5 năm 2001 - 2005, kế hoạch hàng năm của tỉnh và

các huyện, thị. Mạnh dạn phân cấp và phân công trách nhiệm cho các Giám đốc sở và Chủ tịch UBND các huyện, thị để ngành và huyện tăng cường tính chủ động. Tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc của UBND các cấp, trước hết là UBND tỉnh trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội hàng năm và 5 năm đối với các ngành và địa phương, cơ sở.

Kiên quyết cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng các kỳ họp của UBND các cấp. Tập trung bàn giải quyết những vấn đề trọng tâm có liên quan đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội và lợi ích của dân. Giao trách nhiệm cụ thể và thời gian hoàn thành cho từng thành viên. Cải tiến và cắt bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, gây phiền hà cho nhân dân, kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy công quyền những công chức thiếu trách nhiệm, tham nhũng, sách nhiễu để làm trong sạch bộ máy nhà nước. Việc đánh giá và bổ nhiệm lại cán bộ chủ chốt của cấp tỉnh, huyện phải căn cứ vào phẩm chất, năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu được giao để xem xét quyết định. Tăng cường dân chủ ở cơ sở, giữ vững kỷ cương. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan bảo vệ pháp luật.

3/ Phát huy dân chủ và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân:

Trong những năm tới cần tiếp tục phát huy quy chế dân chủ ở cơ sở, mọi vấn đề lớn liên quan đến đời

sống kinh tế, văn hóa, mọi khoản đóng góp của dân để xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở văn hóa, giáo dục, y tế... phải được đưa ra dân bàn bạc dân chủ, công khai về thu-chi tài chính. Các tổ chức Đảng và Nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được biết và tham gia đóng góp ý kiến vào chủ trương phát triển kinh tế-xã hội và giữ gìn kỷ cương, phép nước, kiên quyết chống lại các hoạt động dân chủ cực đoan, vô Chính phủ của những phần tử xấu kích động gây mất ổn định xã hội. Thông qua tổ chức và cán bộ, đảng viên, thông qua tổ chức đoàn thể quần chúng, Đảng phải nắm chắc dân; giáo dục, giác ngộ về Đảng, về đường lối đổi mới của Đảng cho dân.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn lao động, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... có vai trò quan trọng trong việc tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở củng cố khối liên minh công-nông và đội ngũ trí thức. Cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động thiết thực của Mặt trận và các đoàn thể. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo lực lượng nòng cốt lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể; các Hội phải thường xuyên bám sát cơ sở, thường xuyên đến với dân. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về đường lối, chủ trương và những chính sách mới tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và Nghị

quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết HĐND, chủ trương của UBND đến hội viên, đoàn viên. Động viên nhân dân các dân tộc, các tôn giáo, các nhà doanh nghiệp phát huy nội lực thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội 5 năm và hàng năm, tham gia bảo vệ trật tự an toàn xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Động viên, giáo dục bà con đang sinh sống ở nước ngoài hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước, ra sức đoàn kết, góp vốn đầu tư, góp phần xây dựng quê hương; kiên quyết chống lại những luận điệu tuyên truyền kích động, gây chia rẽ, hận thù dân tộc. Phát triển đoàn viên, hội viên mới, nâng cao ý thức chính trị làm nòng cốt trong các phong trào cách mạng của quần chúng, nhất là phong trào thanh niên đi đầu trên lĩnh vực khoa học công nghệ.

Tiếp tục củng cố và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết giữa các dân tộc và các tôn giáo, đoàn kết giữa các cộng đồng dân cư trong tỉnh bằng việc thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước đối với dân tộc và tôn giáo. Các cấp bộ Đảng và UBND các cấp trong tỉnh phải phối hợp chặt chẽ với Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt các nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào tôn giáo và dân tộc.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín

ngưỡng của công dân. Ngăn chặn và xử lý những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, đội lốt tôn giáo của những người xấu kích động gây mất ổn định xã hội, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, đời sống của nhân dân.

Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cần phối hợp với các đoàn thể, Mặt trận động viên nhân dân tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần, vật chất đối với những người có công với nước, gia đình thương binh, liệt sĩ.

Cung cấp thông tin để động viên các vị lão thành cách mạng, cán bộ, công chức đã nghỉ hưu với uy tín của mình góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và tham gia vào sinh hoạt chính trị trên địa bàn dân cư.

Củng cố và phát huy có hiệu quả phong trào hoạt động từ thiện, tình thương của nhân dân, góp phần giúp đỡ những gia đình nghèo, cô đơn, các cháu mồ côi, giúp đỡ nhân dân ở các vùng gặp thiên tai, hỏa hoạn.

C/ Một số chủ trương và giải pháp lớn:

Mọi chủ trương và giải pháp trong 5 năm tới là tạo động lực cho sự phát triển, phát huy tối đa mọi nguồn lực trong nhân dân, kết hợp lợi ích cá nhân với lợi ích chung của toàn xã hội. Khuyến khích được mọi

người đầu tư vốn, công sức, trí tuệ để làm giàu chính đáng cho gia đình và cho tỉnh nhà. Cần tập trung thực hiện tốt các nhóm giải pháp lớn sau đây:

1/ Nhóm giải pháp thứ nhất:

Tạo môi trường thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế phát triển, kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp tư nhân, kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình... hoạt động và cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật.

1.1/ Đối với doanh nghiệp nhà nước, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất-kinh doanh các doanh nghiệp nhà nước hiện có, trên cơ sở đó từng bước xúc tiến cổ phần hóa đối với những doanh nghiệp như: Công ty xi-măng, Công ty xây dựng, Công ty thương mại, Công ty công trình giao thông, Công ty kinh doanh và phát triển nhà, Công ty đường, Công ty lâm sản. Nghiên cứu hình thức cổ phần hóa toàn bộ Công ty muối Ninh Thuận, cổ phần hóa từng bộ phận đối với Công ty du lịch, Công ty kinh doanh tổng hợp.

Đối với những doanh nghiệp nhỏ sức cạnh tranh yếu, thua lỗ kéo dài, áp dụng hình thức khoán, cho thuê hoặc bán cho những doanh nhân có nhu cầu.

Củng cố doanh nghiệp công ích để phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất và đời sống như: Công ty khai

thác công trình thủy lợi, Công ty cấp thoát nước và những doanh nghiệp kinh doanh giữ vị trí trọng yếu có tài sản nhà nước lớn như: Điện lực, Bưu chính viễn thông, Công ty xuất nhập khẩu, Công ty xổ số kiến thiết. Chuyển các lâm trường và phân việc duy tu, bảo dưỡng đường bộ thành doanh nghiệp công ích.

Từ định hướng trên, Ban chỉ đạo sắp xếp doanh nghiệp và cổ phần hóa căn cứ vào điều kiện và tình hình cụ thể để xác định những đơn vị sẽ tiến hành trong từng năm.

Các doanh nghiệp nhà nước phải chủ động đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực quản lý, tiếp cận công nghệ mới để tạo sức cạnh tranh trong điều kiện mới, thực sự là vai trò nòng cốt trong nền kinh tế. Có giải pháp củng cố và nâng cao hiệu quả sản xuất-kinh doanh ở những hợp tác xã đã chuyển đổi theo luật mới, những hợp tác xã nông nghiệp cũ chỉ còn tồn tại trên hình thức thì đưa ra Đại hội xã viên bàn bạc, nếu không đủ điều kiện chuyển đổi thì cho giải thể để lập lại các hình thức hợp tác mới phù hợp.

1.2/ UBND các cấp và các ngành tạo môi trường và điều kiện thuận lợi về đất xây dựng, về vốn vay và các thủ tục hành chính nhanh chóng để mọi người dân, mọi tổ chức kinh tế, nhất là loại doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu đầu tư vào sản xuất-kinh doanh những lĩnh vực mà luật pháp không cấm. Những lĩnh

vực sau đây được ưu tiên khuyến khích: Các cơ sở sản xuất mới để chế biến nông sản, thủy sản, thực phẩm chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, các dự án nuôi trồng thủy sản (tôm sú, tôm hùm, cua, nhuyễn thể, cá nước ngọt), dự án may mặc, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm; các dự án xây dựng cơ sở vui chơi, giải trí, thể thao, các cơ sở du lịch sinh thái ven biển; các dự án lập trang trại chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả dài ngày, ngắn ngày ở các vùng miền núi và chân núi; các dự án trồng rừng phòng hộ ven biển; các cơ sở tận dụng phế liệu để sản xuất sản phẩm hàng hóa mới; các dự án xây dựng siêu thị tư nhân vừa và nhỏ ở thị xã và 4 huyện lỵ; các cửa hàng tổng hợp ở các thị tứ và trung tâm cụm xã ở nông thôn, miền núi.

2/ Nhóm giải pháp thứ hai là:

Khai thác có hiệu quả tài nguyên đất để phát triển sản xuất. Trên cơ sở tổng điều tra quỹ đất năm 2000, cần xây dựng chiến lược sử dụng đất 2001 - 2010 mà trọng tâm là kế hoạch khai thác tài nguyên đất có khả năng nông nghiệp chưa sử dụng để đưa vào sản xuất trong kế hoạch 2001 - 2005, trước hết là cho nhu cầu phát triển kinh tế trang trại trồng cây công nghiệp, cây ăn trái dài ngày, ngắn ngày, trang trại chăn nuôi gia súc có sừng ở miền núi; nuôi trồng thủy sản và đất xây dựng các cơ sở du lịch, cơ sở công nghiệp và chế biến.

Hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh hóa và đa canh sản xuất các nông sản chính gắn với các sản phẩm phụ trội để tăng lợi nhuận cao, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng và hệ thống dịch vụ phục vụ sản xuất.

Hạn chế một cách hợp lý tình trạng chuyển nhượng ruộng đất và tích tụ ruộng đất quá mức hạn điền ở các vùng mật độ dân cư đông, ở vùng đồng bằng Ninh Phước, Ninh Hải, Phan Rang-Tháp Chàm.

Quy hoạch sản xuất và bố trí cơ cấu cây trồng ở vùng tưới các công trình thủy lợi đang và sẽ khởi công xây dựng trong kế hoạch 5 năm như Hồ Tân Giang, Hồ Sông Sắt, Hồ Lanh Ra.

Quy hoạch tổng thể các điểm du lịch sinh thái, cảnh quan ven biển giai đoạn 2001 - 2010, xác định những khu vực ưu tiên phát triển giai đoạn 2001 - 2005 để lập kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng và giải quyết đất kịp thời cho các chủ dự án.

Quy hoạch tổng thể các vùng đất, mặt nước chuyển sang nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2001 - 2010 và kế hoạch sử dụng đất, mặt nước 5 năm đến, quy hoạch chi tiết đất xây dựng các cơ sở chế biến thủy sản tại các trung tâm nghề cá.

Các vùng đã quy hoạch, cần gắn đồng bộ với chính sách ưu đãi về thời hạn cho thuê quyền sử dụng

đất, hoãn-miễn-giảm tiền thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khuyến khích nhân dân đầu tư.

3/ Nhóm giải pháp thứ ba là:

Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính-tín dụng và các nguồn vốn khác vào đầu tư phát triển kinh tế-xã hội.

Để bảo đảm được nhịp độ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như mục tiêu đề ra, nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm tới rất lớn, là một thách thức lớn trước yêu cầu vượt qua tình trạng của một tỉnh nghèo.

3.1/ *Nhiệm vụ và mục tiêu tài chính 5 năm (2001 - 2005)* là tạo nguồn thu để quy mô ngân sách tăng 80% so với năm 2000, mức huy động vào ngân sách trên địa bàn tỉnh từ 8 - 9% GDP, đáp ứng tốt các mục tiêu chi cho chương trình phát triển kinh tế-xã hội và quốc phòng-an ninh.

Huy động thật tốt các nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước. Đồng thời mở rộng việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu, công trái qua Kho bạc nhà nước tỉnh nhằm phục vụ cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, góp phần vào sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tăng cường quản lý thu-chi ngân sách, bảo đảm huy động đúng mức các nguồn thu từ các thành phần

kinh tế theo chính sách thuế hiện hành, tăng cường nguồn lực tài chính cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Tiếp tục cải cách cơ cấu chi ngân sách địa phương theo hướng giảm tỷ trọng chi hành chính, tăng dần chi cho đầu tư phát triển và các mục tiêu giáo dục-đào tạo, y tế và khoa học công nghệ.

Đảm bảo tính công khai, công bằng trong chi ngân sách trên cơ sở các định mức chi hợp lý. Phân cấp mạnh quản lý ngân sách cho cấp huyện, thị để tạo tính chủ động và tăng cường trách nhiệm của các huyện, thị trong quyết định chi ngân sách phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

Từ thực trạng của nền kinh tế phát triển thấp, nguồn thu trên địa bàn không đủ đáp ứng được nhu cầu cho đầu tư phát triển, UBND và các ngành phải chủ động quan hệ với các Bộ, chủ động xây dựng các dự án tranh thủ sự tài trợ của ngân sách Trung ương, của các chương trình mục tiêu do các Bộ quản lý, đồng thời chỉ đạo thực hiện có hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, kiên quyết không để tồn đọng vốn phải chuyển trả về trên.

Chủ động xây dựng các dự án tiềm khả thi và khả thi để tranh thủ vốn từ các tổ chức tài trợ quốc tế. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, dự án tài trợ vốn để tăng công suất Nhà máy nước Phan Rang,

các dự án tài trợ việc ứng dụng các tiến bộ khoa học-kỹ thuật vào sản xuất.

Xúc tiến có hiệu quả công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để tạo thêm nguồn vốn cho doanh nghiệp đổi mới thiết bị, mở rộng sản xuất.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra tài chính đối với các hoạt động chi từ nguồn ngân sách nhà nước, vốn các chương trình mục tiêu, ngăn chặn có hiệu quả mọi biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện các nguồn lực tài chính. Đấu tranh có hiệu quả đối với hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại.

3.2/ Mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động và nâng cao hiệu quả cho vay của hệ thống ngân hàng tín dụng:

Trước yêu cầu phát triển mới của thị trường vốn, các ngân hàng thương mại cần phát huy cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc huy động vốn trong dân cư và tổ chức kinh tế, mở rộng quy mô cho vay đối với tất cả các thành phần kinh tế theo Luật Ngân hàng. Tín dụng ngân hàng phải là đòn bẩy góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm năng lực sản xuất mới và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng phát triển của Đại hội Đảng bộ lần thứ X.

Phấn đấu tăng quy mô huy động vốn bình quân hàng năm 20 - 22%, nâng doanh số cho vay trung hạn, dài hạn lên 25 - 30% hàng năm. Đến năm 2005 tỷ trọng vốn cho vay trung, dài hạn chiếm từ 35 - 40% trong tổng dư nợ. Đáp ứng nhu cầu vay ngắn hạn trong dân cư, trước hết khu vực nông thôn, thu hẹp tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khó đòi, bảo đảm an toàn vốn doanh nghiệp và tiền gửi của dân cư. Hướng ưu tiên đầu tư những năm tới là tạo tăng trưởng sản xuất hàng hóa phục vụ công nghiệp chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, tạo ra năng lực sản xuất mới cả chiều rộng, chiều sâu đối với nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp và các loại hình dịch vụ thực sự đem lại hiệu quả về kinh tế-xã hội.

Cải tiến hình thức cho vay của ngân hàng phục vụ người nghèo và vốn cho vay giải quyết việc làm, xem xét cụ thể thực trạng và nguyên nhân nghèo của từng nhóm hộ và từng vùng để cho vay, bảo đảm vốn vay thực sự đưa vào sản xuất-kinh doanh; mức cho vay, đối tượng cho vay phải dựa trên số hộ nằm trong kế hoạch giảm nghèo hàng năm của Ban chỉ đạo cấp tỉnh, huyện và của từng xã, phường.

Hiện đại hóa công nghệ quản lý trong hệ thống ngân hàng-tín dụng ở địa phương, đáp ứng tiến trình hiện đại hóa toàn ngành ngân hàng trước yêu cầu mới.

4/ Nhóm giải pháp thứ tư là:

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải cách thực sự thủ tục hành chính và lề lối làm việc quan liêu, gây ách tắc trong hệ thống hành chính và bộ máy công quyền từ tỉnh, huyện đến cơ sở, tạo sự đột phá để giải phóng năng lực sản xuất.

4.1/ *Lập quy hoạch, kế hoạch đào tạo và dạy nghề cho thời kỳ 2001 - 2005*, trước hết là cho lực lượng lao động phổ thông từ 18 - 30 tuổi, vừa đáp ứng được nhu cầu lao động theo cơ cấu ngành, nghề trong tỉnh, vừa có nguồn lao động đáp ứng cho các khu công nghiệp trong vùng, cả nước và xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức trong hệ thống chính trị đáp ứng được yêu cầu đặt ra đối với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là: Nâng cao ý thức chính trị, nắm vững đường lối của Đảng và trung thành với chủ nghĩa xã hội; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng với chức trách được giao, có đạo đức và tinh thần phục vụ nhân dân.

Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp đủ sức tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học quản lý, về công nghệ mới, biết dự báo và tiếp cận với thị trường.

4.2/ *Xây dựng cơ chế chính sách nhằm phát triển nhanh đội ngũ cán bộ khoa học-kỹ thuật gắn với phát huy tốt nguồn lực cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện*

có, phát huy tính sáng tạo, nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả những tiến bộ mới về khoa học và công nghệ vào sản xuất-kinh doanh. Đầu tư đúng mức để tăng thêm thiết bị, phương tiện cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đối với các đơn vị sự nghiệp khoa học. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ ứng dụng công nghệ thông tin.

4.3/ Tinh giản và hợp lý hóa tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, bố trí cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, huyện và ngành có tâm huyết với nhân dân, có đủ trình độ và năng lực cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng và Chính phủ, triển khai có hiệu quả vào điều kiện cụ thể ở địa phương và ngành được phân công phụ trách. Xác định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của từng tổ chức, từng bộ phận, từng công chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, công kênh, đùn đẩy trách nhiệm gây chậm trễ trong công việc.

Phân cấp mạnh cho ngành và UBND các cấp, đề cao tính chủ động và tinh thần trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn được giao, đề cao chế độ trách nhiệm thủ trưởng, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ và mục tiêu trong các nghị quyết của Đảng, chủ trương và chính sách của Nhà nước làm thước đo đối với cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị của Đảng.

Yêu cầu bức xúc của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh là phải đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, nhũng nhiễu, gây ách tắc trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở tỉnh nhà; phải phát hiện sớm và nghiêm trị những phần tử tham nhũng, gây lãng phí tài sản nhà nước, tài sản công, đưa những công chức vô trách nhiệm, vô kỷ luật ra khỏi bộ máy công quyền và hệ thống chính trị, xây dựng chính quyền các cấp từ tỉnh, huyện, xã trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

5/ Nhóm giải pháp thứ 5 là:

Tập trung triển khai thực hiện một số chương trình trọng điểm để tạo tăng trưởng kinh tế và tạo thêm năng lực sản xuất mới gồm:

1- Xây dựng đồng bộ chương trình trọng điểm về nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến và xuất khẩu (bao gồm quy hoạch mở rộng diện tích, con giống, hệ thống chế biến hiện đại và mở rộng thị trường xuất khẩu).

2- Phối hợp với Tổng công ty Muối Việt Nam xây dựng xong đồng muối Quán Thử 2.000 ha, mở rộng muối Cà Ná, lập phương án tiêu thụ, kể cả xuất khẩu, đồng thời tìm đối tác nghiên cứu dự án sản xuất hóa chất sau muối.

3- Hoàn thành chương trình trọng điểm về xây dựng kết cấu hạ tầng giai đoạn 2005, bao gồm thủy

lợi, giao thông, đô thị và các công trình hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa. Chuẩn bị xong các dự án để gói đầu sau 2005.

4- Lập chương trình và các dự án phát triển ngành du lịch đa dạng gồm nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

5- Chương trình trọng điểm về thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm giáo dục-đào tạo, dạy nghề và sử dụng nguồn lực khoa học và công nghệ.

6- Chương trình trọng điểm về giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2001 - 2005.

7- Chương trình xây dựng huyện Bác Ái phát triển về kinh tế-xã hội.

6/ Nhóm giải pháp thứ 6:

Nâng cao trình độ tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Phải khắc phục cho được tình trạng thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu chủ động sáng tạo, tình trạng chông chéo, đùn đẩy về trách nhiệm, ỷ lại, chờ đợi; nói không đi đôi với hành động, chế độ trách nhiệm không rõ ràng, nể nang, thưởng phạt không phân minh.

Các cấp ủy Đảng, các Ban cán sự Đảng và các cơ quan trong hệ thống chính trị phải nghiên cứu kỹ,

quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chủ trương, chỉ thị của Đảng và Nhà nước trong cơ quan lãnh đạo để cụ thể hóa một cách nghiêm túc thành chương trình hành động của ngành, đơn vị, địa phương, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên; định rõ thời gian hoàn thành cho từng việc. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm thì kiên quyết phân công lại.

Phải kiểm tra, rút kinh nghiệm bổ khuyết kịp thời những sai sót thông qua việc thường xuyên bám sát cơ sở, phát hiện và nhân rộng những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến trong nhân dân, trong các tổ chức cơ sở Đảng. Thường xuyên phát động phong trào thi đua yêu nước rộng khắp trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tập trung thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Biểu dương kịp thời những tổ chức, đơn vị, cá nhân làm tốt, phê bình nghiêm túc những đơn vị, cá nhân không hoàn thành trách nhiệm được giao.

Với truyền thống anh hùng của nhân dân các dân tộc và của Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận qua hai cuộc kháng chiến để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, phát huy những thành tựu và kinh nghiệm mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã đạt được sau 8 năm tái lập và xây dựng tỉnh nhà, với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc để xây dựng Đảng bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), chúng ta

tin tưởng rằng Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận sẽ quyết tâm và thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X đề ra.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

1	Trần Công
2	Nguyễn Ngọc
3	Nguyễn Hùng
4	Nguyễn Văn
5	Nguyễn Văn
6	Nguyễn Ngọc
7	Nguyễn Văn
8	Nguyễn Văn
9	Nguyễn Văn
10	Nguyễn Văn
11	Nguyễn Văn
12	Nguyễn Văn
13	Nguyễn Văn
14	Nguyễn Văn
15	Nguyễn Văn
16	Nguyễn Văn
17	Nguyễn Văn
18	Nguyễn Văn
19	Nguyễn Văn
20	Nguyễn Văn

DANH SÁCH

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN KHÓA X

(Xếp theo vân A, B, C)

1.	Văn Công	An
2.	Trượng Ngọc	Anh
3.	Nguyễn Hữu	Ánh
4.	Nguyễn Văn	Bình
5.	Chamaléa	Bốc
6.	Hồng Ngọc	Chiến
7.	Thành	Chiểu
8.	Trần Mai	Cường
9.	Phạm Hồng	Cường
10.	Nguyễn Đức	Dũng
11.	Nguyễn Văn	Dy
12.	Trương Văn	Đầu
13.	Chamaléa	Điều
14.	Hồ	Đồng
15.	Nguyễn Tiến	Hải
16.	Phan Đình	Hòa
17.	Trần Xuân	Hòa
18.	Nguyễn Thiếu	Hoàng

19.	Nguyễn Minh	Hoàng
20.	Huỳnh Xuân	Hiệp
21.	Hoàng Thị Út	Lan
22.	Trương Thanh	Liêm
23.	Nguyễn Ngọc	Minh
24.	Phạm Văn	Muộn
25.	Nguyễn Thành	Nhiên
26.	Đỗ Hữu	Nghị
27.	Trương Minh	Ngọc
28.	Nguyễn Văn	Ngọt
29.	Lê Văn	Phong
30.	Trần	Phong
31.	Nguyễn	Suất
32.	Trần Thị	Sơn
33.	Trần Văn	Tấn
34.	Đào	Thậm
35.	Nguyễn Đức	Thanh
36.	Nguyễn Văn	Thành
37.	Trương Xuân	Thìn
38.	Nguyễn	Thoại
39.	Nguyễn Xuân	Thủy
40.	Chamaléa	Tiếp
41.	Nguyễn Thị Minh	Trang
42.	Đoàn Việt	Tiến
43.	Nguyễn Bắc	Việt

DANH SÁCH

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY NINH THUẬN KHÓA X

(Xếp theo vần A, B, C)

- | | | |
|----|-----------------|-------|
| 1. | Văn Công | An |
| 2. | Nguyễn Văn | Dy |
| 3. | Trương Văn | Đầu |
| 4. | Chamaléa | Điều |
| 5. | Nguyễn Minh | Hoàng |
| 6. | Hoàng Thị Út | Lan |
| 7. | Nguyễn | Suất |
| 8. | Đào | Thậm |
| 9. | Nguyễn Thị Minh | Trang |

DANH SÁCH

BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY NINH THUẬN KHÓA X

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| 1. Đồng chí Chamaléa Điêu | Bí thư |
| 2. Đồng chí Đào Thạm | Phó Bí thư,
Chủ tịch UBND tỉnh |

DANH SÁCH

ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY NINH THUẬN KHÓA X

- | | | | |
|----|--------------|-------|----------------------|
| 1. | Nguyễn Văn | Dy | Chủ nhiệm |
| 2. | Nguyễn Xuân | Thủy | Phó Chủ nhiệm |
| 3. | Tống Ngọc | Ban | Phó Chủ nhiệm |
| 4. | Lê Văn | Khuê | Ủy viên chuyên trách |
| 5. | Đoàn Hải | Long | Ủy viên chuyên trách |
| 6. | Lê Anh | Tuyên | Ủy viên chuyên trách |
| 7. | Trương Văn | Đầu | Ủy viên kiêm chức |
| 8. | Nguyễn Thành | Nhiên | Ủy viên kiêm chức |

NGHỊ QUYẾT

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH

LẦN THỨ X

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận tiến hành từ ngày 28/12/2000 đến ngày 30/12/2000 tại thị xã Phan Rang-Tháp Chàm

QUYẾT NGHỊ

1/ Nhất trí thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

2/ Nhất trí thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX về đánh giá tình hình 5 năm 1996-2000 và phương hướng nhiệm vụ 5 năm 2001-2005; giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X căn cứ vào ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh trước khi công bố chính thức.

3/ Đại hội giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội thành nghị quyết và chương trình hành động từng năm; chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đề ra.

4/ Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành trong tỉnh đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước liên tục, mạnh mẽ và rộng khắp, ra sức khắc phục mọi khó khăn thử thách, hăng hái thi đua lập nhiều thành tích mới, quyết tâm đưa Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống.

Phan Rang-Tháp Chàm ngày 30 tháng 12 năm 2000

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHẤT TRÍ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA:

- Tổng sản phẩm nội tỉnh (GDP) tăng bình quân hàng năm 7 - 8%.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp-lâm nghiệp tăng bình quân hàng năm 5%.

- Giá trị sản xuất thủy sản tăng bình quân hàng năm 12,5%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 12 - 14%.

- Tỷ lệ động viên GDP vào ngân sách nhà nước bình quân hàng năm 8-9%.

Đến năm 2005:

+ Sản lượng lương thực 170.000 tấn.

+ Sản lượng đánh bắt hải sản 42.000 - 45.000 tấn.

+ Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu: 30 triệu USD.

+ Tỷ lệ tăng dân số: 1,5%.

+ Xóa hộ đói; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 5%.

- 65% tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, giảm tổ chức cơ sở Đảng yếu kém dưới 5%.

- Phát triển 2.000 đảng viên mới, bảo đảm chất lượng.

DIỄN VĂN BẾ MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ X

*(Do đồng chí Chamaléa Điều
thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc tại Đại hội
ngày 30/12/2000)*

Kính thưa các đồng chí đại biểu,

Thưa toàn thể Đại hội,

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc; với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, chúng ta đã hoàn thành cơ bản những phần việc đã đề ra trong chương trình Đại hội. Đại hội đã thông qua tổng hợp ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện Đại hội IX của Đảng, thảo luận và thông qua báo cáo chính trị của Đảng bộ tỉnh, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình đất

nước, bối cảnh quan hệ quốc tế và khu vực hiện nay. Đại hội diễn ra trong những ngày cuối cùng, tháng cuối cùng và năm cuối cùng của thế kỷ 20 và đón nhận ngày, tháng, năm đầu của thiên niên kỷ mới thế kỷ 21. Tại Đại hội này, chúng ta đã thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của toàn Đảng bộ góp ý vào các dự thảo văn kiện Đại hội IX của Đảng với sự nhất trí cao. Đó là sự khẳng định quyết tâm của Đảng bộ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, con đường mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Thành công của Đại hội là kết quả của quá trình chuẩn bị văn kiện Đại hội và công tác nhân sự của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX, sự đóng góp ý kiến thẳng thắn với tinh thần xây dựng của các cấp ủy Đảng, của các ngành, các cấp, các đồng chí cách mạng lão thành, các đồng chí cán bộ hưu trí cao cấp. Đó cũng là kết quả của quá trình nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các nghị quyết của Bộ Chính trị; nắm vững những quan điểm cơ bản của dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội IX của Đảng vận dụng vào điều kiện thực tế ở tỉnh ta, có sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị và các Ban xây dựng Đảng của Trung ương trong quá trình chuẩn bị Đại hội. Thành công của Đại hội là kết quả của trí tuệ tập thể đại biểu Đại hội, Đại hội đã tiếp thu nhiều ý kiến xác đáng của các đại biểu.

Đại hội đã quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và các giải pháp lớn cho nhiệm kỳ 2001-2005 nhằm đưa tỉnh ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, tiến kịp các tỉnh phát triển trung bình trong khu vực và trong cả nước. Đây là những nhiệm vụ, mục tiêu có tính quyết định của những năm đầu chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước và tỉnh nhà. Đại hội đã bầu được Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X gồm 43 đồng chí có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, trình độ năng lực, khả năng thực hiện nghị quyết do Đại hội đề ra. Một số đồng chí tuổi cao, không tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ khóa này, Đại hội ghi nhận những công lao, thành tích của các đồng chí đã đóng góp cho Đảng bộ trong năm qua; mong các đồng chí tiếp tục hoàn thành tốt công việc của mình ở cương vị công tác mới, tiếp tục cộng tác, trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ các đồng chí trong Ban Chấp hành mới hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Từ những kết quả nêu trên đối chiếu với yêu cầu đề ra và các hướng dẫn của Trung ương, chúng ta có thể kết luận và báo cáo với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh rằng: *Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ X đã thành công - Đây là Đại hội đoàn kết, dân chủ, tập trung và quyết tâm cao. Kết quả của Đại hội đáp ứng được ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân*

Đại hội; xin cảm ơn các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đã viết thư, gửi lẵng hoa đến chúc mừng Đại hội.

Đại hội chân thành cảm ơn các đồng chí đại diện các Ban xây dựng Đảng Trung ương, các đồng chí anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đại diện các cơ quan thông tấn, báo chí, đài phát thanh truyền hình, đại diện các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và các Sở ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh. Sự có mặt của các đồng chí đã góp phần quan trọng vào sự thành công của Đại hội.

Đại hội biểu dương toàn thể đảng viên, cán bộ công nhân viên, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã có nhiều phong trào thi đua yêu nước lập thành tích bằng những công trình, việc làm thiết thực chào mừng Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn các ngành, các địa phương, cán bộ, chiến sĩ, nhân viên phục vụ đã làm việc tận tụy góp phần cho Đại hội Đảng bộ thành công; cảm ơn Trường Chính trị tỉnh đã tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho việc tiến hành Đại hội. Cảm ơn các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương đã theo dõi và tuyên truyền nhanh về quá trình diễn biến của Đại hội.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Với niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã chọn, với tinh thần tự lực, tự cường, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa nghị quyết Đại hội vào cuộc sống, thực hiện tốt những nhiệm vụ mục tiêu của thời kỳ 2001-2005 mà Đại hội đại biểu lần thứ X của Đảng bộ đã đề ra, tập trung xây dựng tỉnh Ninh Thuận ngày càng giàu mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, văn minh về văn hóa hướng đến mục tiêu "xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Với niềm tin tưởng đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ X.

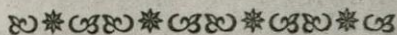
Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm !

***Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong
sự nghiệp của chúng ta !***

Xin cảm ơn

Mục Lục

	Trang
- Diễn văn khai mạc	2
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	12
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X	130
- Danh sách Ban Thường vụ Tỉnh uỷ	132
- Danh sách Bí thư và Phó Bí thư	133
- Danh sách Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ	134
- Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X.....	135
- Một số chỉ tiêu chủ yếu được Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua.....	137
- Diễn văn bế mạc	138





DCS.000013